

ĐC

311



HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

*(Nghị quyết của HĐND khóa XVI, kỳ họp thứ 4
Quyết định, Chỉ thị của UBND từ 1 - 01 - 2005 đến 30 - 6 - 2005)*

Tập 6

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

(Nghị quyết của hội đồng nhân dân khoá XVI, kỳ họp thứ IV
Quyết định, chỉ thị của UBND từ 01-01-2005 đến 30-06-2005)

Tập 6

ĐC: 311



MỤC LỤC

	Trang		Trang
I - NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND		TỈNH HÀ NAM	
1. Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 6 tháng cuối năm 2005.	2	7. Nghị quyết số 07/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 về chức danh, chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.	17
2. Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 về xã hội hóa các lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Y tế, Văn hóa - Thông tin, Thể dục - Thể thao và Dạy nghề đến năm 2010.	5	8. Nghị quyết số 08/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 về quy hoạch các trạm thu phí qua cầu trên hệ thống đường tỉnh Hà Nam.	19
3. Nghị quyết số 03/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 về mức thu học phí, tiền xây dựng trường học, phụ cấp giáo viên mầm non ngoài công lập và các khoản thu khác tại các cơ sở giáo dục năm học 2005 - 2006.	8	II - CHỈ THỊ CỦA UBND	
4. Nghị quyết số 04/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 ban hành Quy định tạm thời việc thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Nam.	11	TỈNH HÀ NAM	
5. Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 về các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.	14	1. Chỉ thị số 02/2005/CT-UB, ngày 14 tháng 01 năm 2005 về "Việc tăng cường thực hiện Nghị định 47/CP ngày 12/8/1996 về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ", Chỉ thị 406/TTg ngày 08/8/1996 của Thủ tướng Chính phủ về: "Cấm sản xuất, kinh doanh, buôn bán và đốt pháo".	21
6. Nghị quyết số 06/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 về biên chế sự nghiệp tỉnh Hà Nam năm 2005, 2006.	16	2. Chỉ thị số 03/CT-UB, ngày 14 tháng 01 năm 2005 về công tác quốc phòng địa phương năm 2005.	22
		3. Chỉ thị số 04/2005/CT-UB, ngày 14 tháng 01 năm 2005 về công tác an ninh trật tự năm 2005.	25
		4. Chỉ thị số 05/2005/CT-UB, ngày 15 tháng 02 năm 2005 về nhiệm vụ động viên quân đội năm 2005.	29
		5. Chỉ thị số 06/CT-UB, ngày 03 tháng 03 năm 2005 về việc phòng chống dịch	31

bệnh, bảo vệ và phát triển đàn gia súc
- gia cầm năm 2005.

6. Chỉ thị số 07/CT-UB ngày 09 tháng 5 năm 2005 về việc chỉ đạo và tổ chức các kỳ thi năm 2005. 32

III - QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HÀ NAM

1. Quyết định số 20/2005/QĐ-UB, ngày 06 tháng 01 năm 2005 ban hành Quy chế phối hợp quản lý doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam. 35

2. Quyết định số 29/2005/QĐ-UB, ngày 7 tháng 01 năm 2005 về việc thành lập Ban chỉ đạo Đại hội TDTT tỉnh Hà Nam lần thứ II năm 2006. 41

3. Quyết định số 69/2005/QĐ-UB, ngày 17 tháng 01 năm 2005 về việc thành lập Hội đồng giám sát xổ số kiến thiết Hà Nam. 42

4. Quyết định số 78/QĐ-UB, ngày 17 tháng 01 năm 2005 ban hành định mức xăng dầu cho các loại xe ô tô có sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam. 43

5. Quyết định số 79/2005/QĐ-UB, ngày 17 tháng 01 năm 2005 về việc ban hành quy định tạm thời về việc thực hiện mức chi hội nghị, công tác phí. 47

6. Quyết định số 81/QĐ-UB, ngày 18 tháng 01 năm 2005 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hà Nam. 49

7. Quyết định số 104/QĐ-UB, ngày 20 tháng 01 năm 2005 về việc thành lập Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu Bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Hà Nam. 51

8. Quyết định số 105/2005/QĐ-UB, ngày 20 tháng 01 năm 2005 về việc Kiện toàn thành viên Hội đồng quản lý "Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam" tỉnh Hà Nam.. 52

9. Quyết định số 111/2005/QĐ-UB, ngày 21 tháng 01 năm 2005 về việc thành lập Ban quản lý các cụm Công nghiệp Tiểu thủ công nghiệp huyện Duy Tiên. 54

10. Quyết định số 135/2005/QĐ-UB ngày 28 tháng 01 năm 2005 về tỷ lệ điều tiết các khoản thu NSNN, thu đóng góp cho ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và ngân sách xã, phường, thị trấn năm 2005. 55

11. Quyết định số 136/2005/QĐ-UB ngày 28 tháng 01 năm 2005 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. 60

12. Quyết định số 185/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 01 năm 2005 về việc ban hành chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2005. 94

13. Quyết định số 212/2005/QĐ-UB ngày 04 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành Quy chế quản lý, cung cấp thông tin và truy cập Website Hà Nam. 113

14. Quyết định số 218/QĐ-UB, ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc Thành lập Liên đoàn Tennis tỉnh Hà Nam. 116

15. Quyết định số 273/2005/QĐ-UB ngày 23 tháng 02 năm 2005 về 117

việc ban hành Quy chế thi tuyển công chức cấp xã.

15. Quyết định số 323/2005/QĐ-UB 124 ngày 25 tháng 02 năm 2005 về việc thành lập trung tâm Dâu tằm tỉnh Hà Nam.

16. Quyết định số 327/2005/QĐ-UB, ngày 25 tháng 02 năm 2005 về việc Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai vùng phân lũ sông Đáy tỉnh Hà Nam theo Quyết định số 132/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. 125

17. Quyết định số 370/2005/QĐ-UB, ngày 9 tháng 03 năm 2005 về việc Kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Hà Nam. 136

18. Quyết định số 384/2005/QĐ-UB, ngày 10 tháng 03 năm 2005 về việc phê duyệt 02 đề án thực hiện Quyết định 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ. 137

19. Quyết định số 386/2005/QĐ-UB, ngày 11 tháng 03 năm 2005 về việc ban hành Quy định tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp đầu tư vào Khu công nghiệp, cụm CN - TTCN huyện, thị xã và cụm TTCN làng nghề xã, thị trấn tỉnh Hà Nam. 140

20. Quyết định số 387/2005/QĐ-UB, ngày 14 tháng 03 năm 2005 về việc phê duyệt Đề cương điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Hà Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. 143

21. Quyết định số 398/2005/QĐ-UB, ngày 17 tháng 03 năm 2005 về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Giám sát và trách nhiệm của 145

các thành viên Hội đồng Giám sát số số kiến thiết.

22. Quyết định số 451/2005/QĐ-UB 149 ngày 01 tháng 4 năm 2005 (V/v ban hành quy định về thủ tục soạn thảo, ban hành và kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Nam).

23. Quyết định số 453/QĐ-UB, ngày 01 tháng 4 năm 2005 (V/v Kiện toàn, bổ sung BCĐ công tác thi hành án dân sự) 158

24. Quyết định số 459/QĐ-UB, ngày 4 tháng 4 năm 2005 về việc thành lập Ban chỉ đạo Hội chợ triển lãm Thương mại - Nông nghiệp - việc làm tỉnh Hà Nam năm 2005 Hà Nam. 159

25. Quyết định số 564/2005/QĐ-UB, ngày 13 tháng 4 năm 2005 về việc Ban hành Quy định quản lý xe công nông và xe tự chế trên địa bàn tỉnh Hà Nam. 160

26. Quyết định số 571/QĐ-UB, ngày 13 tháng 4 năm 2005 về việc thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão tỉnh Hà Nam năm 2005. 163

27. Quyết định số 627/QĐ-UB, ngày 18 tháng 4 năm 2005 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm TTCN làng nghề xã Kim Bình, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. 166

28. Quyết định số 646/QĐ-UB, ngày 22 tháng 4 năm 2005 về việc thành lập Ban chỉ đạo chương trình hành động phòng chống tội phạm, buôn bán phụ nữ, trẻ em. 169

29. Quyết định số 647/QĐ-UB ngày 22 tháng 4 năm 2005 về việc thành lập Ban chỉ đạo phát triển khu du lịch hồ Tam Chúc 171

30. Quyết định số 747/2005/QĐ-UB ngày 6 tháng 5 năm 2005 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em. 172
31. Quyết định số 748/2005/QĐ-UB, ngày 06 tháng 5 năm 2005 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và tổ chức bộ máy của Sở nội vụ tỉnh Hà Nam. 176
32. Quyết định số 781/QĐ-UB ngày 10 tháng 5 năm 2005 về việc bổ sung thành viên Ban chỉ đạo phát triển khu du lịch Tam Chúc. 181
33. Quyết định số 790/2005/QĐ-UB, ngày 11 tháng 5 năm 2005 về việc thành lập Ban chỉ đạo vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. 181
34. Quyết định số 794/2005/QĐ-UB, ngày 13 tháng 5 năm 2005 về việc thành lập Sở Bưu chính, viễn thông tỉnh Hà Nam. 182
35. Quyết định số 828/2005/QĐ-UB, ngày 18 tháng 5 năm 2005 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. 183
36. Quyết định số 843/2005/QĐ-UB ND ngày 24 tháng 5 năm 2005 về việc bổ sung và điều chỉnh quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. 187
37. Quyết định số 861/2005/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2005 về việc thành lập văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hà Nam. 188
38. Quyết định số 874/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2005 về việc kiện toàn Tổ chức thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Nam. 189
39. Quyết định số 876/2005/QĐ-UB, ngày 01 tháng 6 năm 2005 về việc Ban hành quy định kỹ quy phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. 190
40. Quy định số 885/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2005 về việc cho phép thành lập Ban liên lạc những chiến sỹ hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đày tỉnh Hà Nam. 194
41. Quyết định số 894/2005/QĐ/UBND ngày 3 tháng 6 năm 2005 về việc Thành lập Ban giải phóng mặt bằng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thanh Liêm. 194
42. Quyết định 938/2005/QĐ-UB, ngày 9 tháng 6 năm 2005 về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình hành động phòng chống tội phạm, buôn bán phụ nữ, trẻ em. 195
43. Quyết định số 1011/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2005 về việc ban hành Quy chế quản lý đo lường trên địa bàn tỉnh Hà Nam. 198
44. Quyết định số 1029/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 6 năm 2005 về việc quy định giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thu ba quỹ năm 2005. 208
45. Quyết định số 1038/2005/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 6 năm 2005 về việc ban hành tên miền, địa chỉ IP trong các cơ quan hành chính sự nghiệp tỉnh Hà Nam tham gia hệ thống mạng HaNamnet, CPNet và Internet. 210

NGHỊ QUYẾT
CỦA HĐND TỈNH HÀ NAM

Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 6 tháng cuối năm 2005

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Sau khi nghe và thảo luận Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2005; Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2005.

Sáu tháng đầu năm 2005, mặc dù gặp nhiều khó khăn tác động đến sản xuất và đời sống của nhân dân, song dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục ổn định và có bước phát triển: Kinh tế tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao, sản xuất nông nghiệp được mùa lớn, công nghiệp địa phương

có bước phát triển mới, giá trị sản xuất đạt mức tăng cao nhất trong 5 năm 2001 - 2005. Thu ngân sách đạt khá, công tác vận động thu hút đầu tư vào địa bàn có tiến triển tốt. Các lĩnh vực dịch vụ, văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ. Tình hình chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân được cải thiện.

Một số tồn tại trong 6 tháng qua là: Huy động vốn cho đầu tư phát triển còn hạn chế, công tác đền bù giải phóng mặt bằng ở các dự án lớn còn gặp nhiều khó khăn, công tác giải quyết khiếu nại tố cáo một số nơi kết quả chưa cao. Tai nạn giao thông, một số tệ nạn xã hội, giải quyết việc làm ... còn nhiều bức xúc. Cải cách hành chính kết quả chưa cao, hiệu lực quản lý của chính quyền còn hạn chế.

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2005 theo Nghị quyết kỳ họp thứ 3 HĐND tỉnh (tháng 12/2004), HĐND tỉnh nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu Ủy ban nhân dân tỉnh cần tập trung chỉ đạo:

1, **Đẩy mạnh phát triển sản xuất, tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ.**

- Tiếp tục xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, bảo đảm đủ điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ. Có biện pháp chấn chỉnh doanh nghiệp chậm thực hiện dự án đầu tư hoặc đầu tư không đúng dự án được chấp nhận. Đảm bảo cho công ty xi măng Bút Sơn khởi công dự án dây chuyền II đúng tiến độ. Tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có sản phẩm lợi thế tiếp tục phát triển. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh uỷ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển ngành nghề dịch vụ ở nông thôn. Tập trung chỉ đạo gieo cấy vụ mùa gắn với bảo đảm kế hoạch vụ đông. Nhân rộng mô hình cánh đồng 50 triệu/ha, hộ nông dân đạt 50 triệu đồng/năm. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi thuỷ sản là mũi đột phá trong chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục chỉ đạo theo dõi dịch cúm gia cầm trên cơ sở theo dõi chặt chẽ không để dịch cúm tái phát. Chủ động, tích cực phòng chống khắc phục hậu quả khi bão, lũ lụt, thiên tai bất thường xảy ra. Xử lý các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp, hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ sử dụng đất khu dân cư.

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Xúc tiến nhanh hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư quy hoạch và dự án cơ sở hạ tầng khu du lịch Tam Chúc - Ba Sao.

2, Tăng cường quản lý, khai thác tốt các nguồn thu nội địa, phấn đấu thu ngân sách nhà nước vượt mức HDND tỉnh đề ra cho năm 2005. Tích cực huy động các nguồn lực, khai thác tốt nguồn thu từ quỹ đất, từng bước tháo gỡ khó khăn về vốn xây dựng cơ bản tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm. Tiếp tục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách và thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản.

3, Tập trung cao độ chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, khắc phục sự trì trệ kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công một số dự án lớn. Các dự án cần tập trung là: Quốc lộ 21A (giai đoạn 2), địa điểm di chuyển trại giam Nam Hà, đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình, đường vành đai phân lũ, khu công nghiệp Đồng Văn II. Tăng cường quản lý quy hoạch xây dựng và trật tự đô thị.

4, Đẩy mạnh xã hội hoá, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực văn

hoá - xã hội. Tổ chức thực hiện đề án xã hội hoá 5 lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, Y tế, Văn hoá - thông tin, Thể dục - thể thao và dạy nghề. Thực hiện tốt chính sách đối với người có công, đẩy mạnh thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, các chương trình quốc gia về y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội ... Phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2005 về các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực văn hoá - xã hội, góp phần nâng cao một bước đời sống tinh thần của nhân dân.

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước lập thành tích chào mừng đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng và Đại hội thi đua tỉnh Hà Nam lần thứ VIII, kỷ niệm 60 năm thành lập nước, 115 năm thành lập tỉnh.

5, Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tập trung xử lý có hiệu quả các vụ việc tồn đọng, phức tạp và đơn thư khiếu nại tố cáo mới phát sinh. Triển khai chương trình cải cách hành chính giai đoạn II, tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ của bộ phận tiếp nhận, trả kết quả theo cơ chế "một cửa".

6, Các cấp, các ngành triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 theo tinh thần Chỉ thị 18/2005/CT-TTg ngày 31/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức thành viên vận động nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi cán bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh phát huy kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2005.

Nghị quyết này đã được hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVI thông qua tại Kỳ họp thứ 4, ngày 15/7/2005.

CHỦ TỊCH

Tăng Văn Phả

Nghị quyết số 02/2005/ NQ- HĐND Ngày 15 tháng 7 năm 2005

Về xã hội hoá các lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Y tế, Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao và Dạy nghề đến năm 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: Nghị quyết Số 90/CP ngày 21/8/1997; Nghị quyết số 05/2005/NQ- CP ngày 18/4/2005 về phương hướng chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao;

Sau khi nghe, thảo luận Tờ trình Số 662/TTr-UBND ngày 07/7/2005 của UBND tỉnh về Đề án xã hội hoá các lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Y tế, Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao và dạy nghề đến năm 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá- Xã hội HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Đề án xã hội hoá các lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Y tế, Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao và dạy nghề tỉnh Hà Nam đến năm 2010 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Định hướng chung công tác xã hội hoá 5 lĩnh vực đến năm 2010:

a) Thực hiện xã hội hoá nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong

nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và đào tạo nghề. Tạo điều kiện để toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo được thụ hưởng thành quả giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và đào tạo nghề ở mức độ ngày càng cao.

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh việc hoàn thiện chính sách, tăng nguồn lực đầu tư, đổi mới mục tiêu, phương thức, cơ cấu và nguồn vốn đầu tư; tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình trọng điểm phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và đào tạo nghề.

c) Chuyển dần các cơ sở công lập đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp sang cơ chế cung ứng dịch vụ (*cơ chế có đầy đủ quyền tự chủ về tổ chức và quản lý, hạch toán đầy đủ chi phí, cân đối thu chi, thực hiện đúng mục tiêu và nhiệm vụ*).

d) Phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập với hai loại hình: dân lập và tư nhân. Tiến hành chuyển một số cơ sở thuộc loại hình công lập sang loại hình ngoài công lập để tập thể hoặc cá nhân quản lý và hoàn trả vốn cho Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể xã hội hoá 5 lĩnh vực đến năm 2010:

a) Giáo dục:

Đến năm 2010 phấn đấu huy động 44% số cháu vào nhà trẻ, 95% số cháu vào mẫu giáo. Tỷ lệ học sinh nhà trẻ ngoài công lập chiếm 60%, mẫu giáo 50%, trung học phổ thông 30%. Khuyến khích việc thành lập trường mầm non tư thục ở thị xã Phú Lý và thị trấn các huyện. Phấn đấu mỗi huyện, thị xã có ít nhất 01 trường THPT ngoài công lập. Phấn đấu Hà Nam được công nhận đạt phổ cập giáo dục bậc trung học; chuyển cơ bản các cơ sở bán công sang loại hình dân lập hoặc tư thục. Mở được 01 trường đại học dân lập.

b) Y tế:

Đến năm 2010 thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có 85% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế, 95% trạm y tế có bác sỹ. Dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu đạt 15% ở bệnh viện tuyến huyện, đạt 40% ở bệnh viện tuyến tỉnh.

c) Văn hoá:

Phấn đấu đến năm 2010:

- Trùng tu, tôn tạo 50% các di tích đã xếp hạng, chống xuống cấp các di tích còn lại.

- Có 95% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; 60-70% làng, khu phố đạt tiêu chuẩn làng, khu phố văn hoá; 100% xã có quỹ đất, có khu trung tâm văn hoá - thể thao.

- Chuyển cơ bản số cơ sở công lập hiện có thuộc ngành văn hoá sang hoạt động theo cơ chế cung ứng dịch vụ.

d) Thể dục thể thao:

Phấn đấu đến năm 2010:

- Có 20% dân số và từ 15-16% số gia đình tập TDTT thường xuyên.

- Các huyện, thị xã hoàn thiện việc xây dựng các công trình TDTT cơ bản; các xã, phường có các công trình TDTT và thành lập được hội đồng TDTT .

- Xây dựng hiệp hội, liên đoàn cấp tỉnh với các môn thể thao cơ bản.

e) Đào tạo nghề:

Phấn đấu đến năm 2010:

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dạy nghề đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động; đa dạng hoá ngành nghề và hình thức đào tạo nghề theo nhu cầu thực tế.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 35% trong tổng lực lượng lao động thường xuyên. Hàng năm bồi dưỡng đào tạo và đào tạo lại khoảng 7000 người, trong đó đào tạo dài hạn 2000 người (Các cơ sở đào tạo công lập đảm nhận 40%, các cơ sở khác đảm nhận 60%)

- Chuyển Trung tâm tư vấn và giới thiệu việc làm (trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội), Trung tâm dạy nghề huyện Lý Nhân, huyện Thanh Liêm sang hình thức ngoài công lập.

Hoàn thành nâng cấp Trường đào tạo nghề Công- Nông nghiệp - Vận tải thành trường Cao đẳng dạy đa nghề.

3. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện Đề án:

a) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về xã hội hoá.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền các cấp, có kế hoạch tổ chức thực hiện xã hội hoá từng lĩnh vực ở địa phương, ở cơ sở sát với thực tế. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể tham gia công tác xã hội hoá.

Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách về xã hội hoá để các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp và nhân dân có nhận thức đúng, đầy đủ, thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hoá các lĩnh vực trên.

Phát động phong trào thi đua, xây dựng và nhân rộng các điển hình xã hội hoá trong từng lĩnh vực.

b) Tiếp tục đổi mới chính sách và tăng nguồn lực đầu tư:

Hoàn thiện các quy định về mô hình, quy chế hoạt động của các đơn vị ngoài công lập theo hướng: quy định rõ trách nhiệm, mục tiêu hoạt động, nội dung, chất lượng dịch vụ, chế độ sở hữu và cơ chế hoạt động; quy định chế độ tài chính

và trách nhiệm thực hiện chính sách, nghĩa vụ xã hội.

Chuyển cơ chế hoạt động của các cơ sở công lập sang cơ chế cung ứng dịch vụ. Đổi mới cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và đào tạo nghề.

Điều chỉnh quy hoạch đất đai giành quỹ đất ưu tiên cho việc xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao công lập và ngoài công lập. Thực hiện việc miễn tiền sử dụng đất, thuê đất đối với các cơ sở ngoài công lập hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận. Công khai, đơn giản hoá thủ tục giao đất, cho thuê đất.

Thực hiện chính sách bình đẳng giữa khu vực công lập và ngoài công lập về thi đua, khen thưởng, công nhận các danh hiệu nhà nước, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tiếp nhận, chuyển cán bộ.

Tiếp tục tăng nguồn lực đầu tư, chủ yếu tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, chương trình trọng điểm. Nguồn lực đầu tư công tác xã hội hoá các lĩnh vực nói trên đến năm 2010 dự kiến 578 tỷ đồng. Trong đó Ngân sách Nhà nước chiếm 38,2% (220 tỷ đồng), huy động các nguồn lực xã hội hoá khoảng 61,8% (358 tỷ đồng).

c) Đổi mới cơ chế quản lý nhà nước:

Tăng cường công tác quản lý trên các lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hoá, y tế, thể dục thể thao và dạy nghề. Nhà

nước quản lý thống nhất đối với các cơ sở công lập và ngoài công lập, tạo điều kiện để các cơ sở đó cùng phát triển ổn định, lâu dài.

Triển khai và hướng dẫn thực hiện các điều kiện thành lập, điều kiện hành nghề, các quy định về mô hình, quy mô, quy chế ... các đơn vị ngoài công lập. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra; quy định chế độ và trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cấp.

d) Xây dựng quy hoạch phát triển xã hội hoá.

Xây dựng quy hoạch chuyển đổi các cơ sở công lập có điều kiện phù hợp với yêu cầu, mục tiêu xã hội hoá sang hoạt

động theo cơ chế cung ứng dịch vụ hoặc sang loại hình ngoài công lập với các bước đi thích hợp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1, Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nghị quyết này.

2, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban HĐND, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Hà Nam khoá XVI thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 15 tháng 7 năm 2005./.

CHỦ TỊCH

Tăng Văn Phả

Nghị quyết số 03/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005

**Về mức thu học phí, tiền xây dựng trường học,
phụ cấp giáo viên mầm non ngoài công lập và các khoản thu
khác tại các cơ sở giáo dục năm học 2005 – 2006**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục - đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-TTg ngày 22/11/1973 của Thủ tướng Chính

phủ về việc thu tiền đóng góp xây dựng trường;

Sau khi nghe, thảo luận Tờ trình Số 661 /TT-UB ngày 07/2005 của UBND tỉnh về mức thu học phí, tiền xây dựng trường học, phụ cấp giáo viên mầm non ngoài công lập và các khoản thu khác trong nhà trường, nghe báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về mức thu học phí, tiền xây dựng trường học, phụ cấp giáo viên mầm non ngoài công lập và các khoản thu khác tại các cơ sở giáo dục năm học 2005-2006 như sau:

I. MỨC THU HỌC PHÍ:

1. Đối với các trường công lập:

a. Ngành học mầm non:

- Khu vực thị xã Phủ Lý :
40.000 đ/1tháng/1học sinh.

- Khu vực nông thôn:
20.000 đ/1tháng/1học sinh

b. Trung học cơ sở:

- Khu vực thị xã Phủ Lý :
20.000 đ/1tháng/1học sinh.

- Khu vực nông thôn :
10.000 đ/1tháng/1học sinh.

- Khu vực miền núi :
8.000 đ/1tháng/1học sinh.

c. Trung học phổ thông:

- Khu vực thị xã Phủ Lý :
30.000 đ/1tháng/1học sinh.

- Khu vực nông thôn :
22.000 đ/1tháng/1học sinh.

- Khu vực miền núi :
15.000 đ/1tháng/1học sinh.

2. Đối với học sinh bán công, Trung tâm GDTX và các trường dân lập:

a) Học sinh lớp bán công trong trường THPT công lập; học sinh trường THPT bán công :

65.000 đ/1tháng/1học sinh.

b) Học sinh bổ túc THPT ở các TT GDTX: 50.000đ/1tháng/1học sinh.

c) Học sinh trường THPT dân lập:
75.000 đ/1tháng/1học sinh.

d) Học sinh mầm non học ở các trường bán công:

- Khu vực Thị xã Phủ Lý

20.000đ/1tháng/1học sinh (không nuôi ăn bán trú)

30.000đ/1 tháng/1 học sinh. (có nuôi ăn bán trú)

- Khu vực khác:

15.000đ/1 tháng/1 học sinh (không nuôi ăn bán trú)

20.000đ/1 tháng/ 1 học sinh (có nuôi ăn bán trú)

3. Học phí học nghề:

Các trường phổ thông trung học (kể cả công lập và ngoài công lập) trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp dạy nghề có tổ chức cho học sinh học nghề tại trường, mức thu học phí là 20.000đ/ năm/ học sinh

II. MỨC THU TIỀN XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC:

1. Trường mầm non:

Khu vực nông thôn:

15.000 đ/ 1 năm/1học sinh.

Khu vực thị xã:

30.000đ/ 1năm/ 1 học sinh.

2. Trường tiểu học:

Khu vực nông thôn:

20.000 đ/ 1 năm/1học sinh.

Khu vực thị xã:

30.000đ/ 1năm/ 1 học sinh

3. Trường Trung học cơ sở:

Khu vực nông thôn:

40.000 đ/ 1 năm/1học sinh.

Khu vực thị xã:

50.000đ/ 1năm/ 1 học sinh

4. Trường Trung học phổ thông (công lập, bán công) và các Trung tâm GDTX: 80.000 đ/ 1 năm/ 1học sinh.

5. Trường THPT Dân lập :

120.000đ/ 1 năm/ 1học sinh.

Thời gian thu tiền xây dựng chia làm 2 đợt vào đầu mỗi học kỳ.

III. MỨC THU LỆ PHÍ THI.

1. Lệ phí thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2006-2007.

- Mức thu lệ phí tuyển sinh vào lớp 10 đại trà: 20.000đ/1học sinh.

- Mức thu lệ phí tuyển sinh vào lớp 10 chuyên: Ngoài 20.000đ/1học sinh còn phải nộp thêm 10.000đ/1môn chuyên/1học sinh.

- Mức thu lệ phí xét tuyển vào lớp 10 trường bán công, dân lập, Trung tâm GDTX: 5.000đ/1học sinh

2. Lệ phí thi nghề năm học 2005-2006: 12.000đ/1 học sinh.

IV. CÁC KHOẢN THU KHÁC:

1, Tiền điện, nước uống và nước sinh hoạt của học sinh mức thu không quá 3.000đ/1tháng/1học sinh; với những học sinh học tin học tại trường mức thu không quá 5.000đ/ 1 tháng/ 1học sinh.

2, Tiền gửi xe đạp: Mức thu không quá 2.000đ/ 1tháng/1học sinh.

3, Tiền vệ sinh: Mức thu không quá 1.000đ/1tháng/1học sinh.

4, Tiền ăn các lớp bán trú.

- Khu vực thị xã Phủ Lý: Căn cứ mức ăn thực tế của các cháu mức thu không quá 120.000đ/1tháng/ 1học sinh.

- Khu vực khác: Mức thu không quá 90.000đ/1 tháng/1 học sinh. (áp dụng đối với những nơi có điều kiện tổ chức bán trú)

Ngoài các khoản thu quy định ở trên, các cơ sở giáo dục - đào tạo không được tự ý thu thêm một khoản thu nào khác.

V. PHỤ CẤP CHO GIÁO VIÊN MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP:

1, Mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh như sau:

- 150.000đ/1 tháng/1 giáo viên có trình độ Đại học sư phạm.
- 140.000đ/1 tháng/1 giáo viên có trình độ Cao đẳng sư phạm.
- 130.000đ/1 tháng/1 giáo viên có trình độ Trung học sư phạm.
- 100.000đ/1 tháng/1 giáo viên có trình độ Sơ học sư phạm.
- 90.000đ/1 tháng/1 giáo viên chưa qua đào tạo.

2. Nguồn kinh phí chi trả phụ cấp cho giáo viên mầm non ngoài công lập gồm 3 nguồn:

- Mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh (nêu ở phần trên)
- Tiền học phí.

Nghị quyết số 04/2005/NQ- HĐND Ngày 15 tháng 7 năm 2005 Ban hành Quy định tạm thời việc thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;

Mức hỗ trợ của ngân sách xã, phường, thị trấn cho các đối tượng giáo viên mầm non thấp nhất bằng 30% so với mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh để đảm bảo cho giáo viên mầm non ngoài công lập ở bậc thấp nhất (chưa qua đào tạo) cũng có mức phụ cấp thấp nhất bằng mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HĐND, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Hà Nam khoá XVI thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 15 tháng 7 năm 2005.

CHỦ TỊCH
Tăng Văn Phá

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số;

Sau khi nghe, thảo luận Tờ trình số 660/TTr-UBND ngày 07/7/2005 của

UBND tỉnh về Quy định tạm thời việc thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của ban Văn hoá- xã hội.

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tạm thời việc thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Hà Nam khoá XVI thông qua tại Kỳ họp thứ 4, ngày 15 tháng 7 năm 2005.

CHỦ TỊCH
Tăng Văn Phả

QUY ĐỊNH TẠM THỜI VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM

*(Ban hành theo Nghị quyết số 04 ngày 15 tháng 7 năm 2005
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVI, kỳ họp thứ 4)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Trách nhiệm thực hiện chính sách Dân số kế hoạch hoá gia đình:

Thực hiện mục tiêu chính sách Dân số: “Duy trì mỗi cặp vợ chồng có 1 hoặc 2 con để ổn định quy mô dân số, đảm bảo cơ cấu dân số và phân bố dân cư hợp lý, nâng cao chất lượng dân số” là trách nhiệm của toàn xã hội, của mọi công dân, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức đóng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Những người trong tiền sử gia đình có nướì mắc bệnh tâm thần; bệnh di truyền; người có nguy cơ bị khuyết tật về gen; người bị nhiễm chất độc hoá học; người thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc hại và các bệnh lây nhiễm nên đi kiểm tra sức khoẻ trước khi có ý định sinh con.

Điều 2. Thực hiện đăng lý và quản lý việc sinh đẻ:

Tất cả các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Hà Nam đều phải cam kết thực hiện kế hoạch hoá gia đình tại Uỷ ban

nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc nơi công tác.

Các cơ quan, đơn vị đóng ở địa phương phải báo cáo tình hình thực hiện chính sách Dân số và kế hoạch hoá gia đình của cơ quan, đơn vị mình và chịu sự theo dõi, kiểm tra của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Số con của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân:

1, Mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con.

Những trường hợp sau không vi phạm quy định này:

- Trường hợp sinh lần đầu mà sinh ba con trở lên.

- Trường hợp sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên.

2, Vợ chồng sau khi ly hôn mà tái hôn, nếu đã có 2 con thì không được sinh thêm con.

3, Người tái kết hôn với người khác, nếu đã có con chỉ được sinh một con (trường hợp sinh đôi, sinh ba trở lên không vi phạm quy định này).

4, Người phụ nữ không kết hôn có quyền làm mẹ và chỉ được sinh một con (trường hợp sinh đôi, sinh ba trở lên không vi phạm quy định này).

Điều 4. Tuổi sinh con đầu lòng và khoảng cách sinh:

Khuyến khích phụ nữ có chồng từ 22 tuổi trở lên mới sinh con đầu lòng.

Khoảng cách giữa 2 lần sinh ít nhất là 3 năm (36 tháng) trở lên, trừ trường hợp phụ nữ từ 30 tuổi trở lên mới sinh con đầu lòng thì khoảng cách có thể là 2 năm (24 tháng).

Điều 5. Chính sách khuyến khích đối với người thực hiện kế hoạch hoá gia đình:

Người đăng ký và chấp nhận sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại được tạo điều kiện thuận lợi để lựa chọn thực hiện một biện pháp tránh thai phù hợp và được hưởng chế độ theo quy định.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 6. Khen thưởng:

Tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quy định này thì được xét khen thưởng.

Điều 7. Xử lý vi phạm:

1, Đối với cá nhân:

Người vi phạm điều 3 quy định này xử lý như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước sinh con thứ ba trở lên, ngoài việc không được phong tặng bất kỳ danh hiệu gì trong thời gian 3 năm, còn bị xử lý kỷ luật theo quy định.

- Sĩ quan, chiến sỹ lực lượng vũ trang xử lý theo điều lệ, quy định của cơ quan, đơn vị.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân cùng cấp miễn nhiệm.

- Đối với các hộ gia đình có người vi phạm thì trong 2 năm liên tiếp kể từ năm vi phạm không được bình xét danh hiệu gia đình văn hoá.

2, Đối với tập thể:

- Đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức có người sinh con thứ 3 trở lên thì tập thể cơ quan, đơn vị đó không được bình xét

danh hiệu cơ quan, đơn vị văn hoá trong năm vi phạm.

- Ủy ban nhân dân cấp xã không đăng ký thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hoá gia đình thì năm đó không được xét các danh hiệu khen thưởng.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách để thực hiện có kết quả quy định này.

CHỦ TỊCH
Tăng Văn Phả

Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005 **Về các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,** **Ủy ban nhân dân huyện, thị xã**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Sau khi nghe, thảo luận tờ trình số 663/TTr-UBND ngày 07 tháng 07 năm 2005 của UBND tỉnh và báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh như sau:

1. Sở Nội vụ.
2. Sở Tài chính.
3. Sở Kế hoạch - Đầu tư.
4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Sở Công nghiệp.
6. Sở Xây dựng.
7. Sở Giao thông vận tải.
8. Sở Tài nguyên và Môi trường.
9. Sở Thương mại-Du lịch.
10. Sở Khoa học và Công nghệ.
11. Sở Giáo dục và Đào tạo.
12. Sở Y tế.
13. Sở Văn hoá - Thông tin.
14. Sở Tư pháp.
15. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.
16. Sở Thể dục thể thao.
17. Thanh tra tỉnh.
18. Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em.
19. Sở Bưu chính –Viễn thông.
20. Ban Tôn giáo.
21. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Phê chuẩn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã như sau:

1. Phòng Nội vụ-Lao động-Thương binh và Xã hội.
2. Phòng Tài chính-Kế hoạch.
3. Phòng Giáo dục.

4. Phòng Văn hoá-Thông tin-Thể thao.
5. Phòng Y tế.
6. Phòng Tài nguyên và Môi trường.
7. Phòng Tư pháp.
8. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
9. Phòng Công, Thương nghiệp.
10. Phòng Hạ tầng kinh tế (Phòng quản lý đô thị đối với UBND thị xã Phủ Lý).
11. Thanh tra huyện, thị xã.
12. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.
13. Văn phòng HĐND và UBND huyện (thị xã).

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết này

- Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVI thông qua tại kỳ họp thứ 4, ngày 15/7/2005./.

CHỦ TỊCH

Tăng Văn Phả

**Nghị quyết số 06/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005
Về biên chế sự nghiệp tỉnh Hà Nam năm 2005, 2006.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Biên chế sự nghiệp văn hoá- thông tin, thể thao:

315 chỉ tiêu

- Biên chế sự nghiệp khác:

348 chỉ tiêu

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao UBND tỉnh căn cứ vào số lượng biên chế được ghi tại Điều 1 và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để phân bổ chỉ tiêu biên chế theo đúng quy định hiện hành.

- Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVI thông qua tại kỳ họp thứ 4, ngày 15/7/2005.

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp Nhà nước;

Sau khi nghe, thảo luận tờ trình số 614/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2005 của UBND tỉnh về biên chế sự nghiệp tỉnh Hà Nam năm 2005, 2006 và báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng biên chế sự nghiệp tỉnh Hà Nam năm 2005, 2006: 10.751 chỉ tiêu. Trong đó:

- Biên chế sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 8.547 chỉ tiêu

- Biên chế sự nghiệp y tế:

1.541 chỉ tiêu

CHỦ TỊCH
Tăng Văn Phả

Nghị quyết số 07/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005
Về chức danh, chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách
cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 121/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Sau khi nghe, thảo luận tờ trình số 659/TTr-UBND ngày 07 tháng 07 năm 2005 của UBND tỉnh về chức danh, chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố và báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

1. Đối với cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, phường thị trấn.

a. Số lượng: Mỗi chức danh chỉ có một người, riêng Đài truyền thanh cơ sở có Trưởng đài và từ 1- 2 nhân viên.

b. Mức phụ cấp:

- Trưởng ban tổ chức Đảng:
0,6 mức lương tối thiểu

- Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng:
0,6 mức lương tối thiểu

- Trưởng ban Tuyên giáo:
0,6 mức lương tối thiểu

- Cán bộ Văn phòng Đảng ủy:
0,5 mức lương tối thiểu

- Cán bộ Kế hoạch-Giao thông-Thủy lợi: 1,1 mức lương tối thiểu

- Cán bộ Lao động-Thương binh-Xã hội
1,1 mức lương tối thiểu

- Phó Trưởng Công an thứ 2 (Đối với những xã có trên 10.000 dân)
1,1 mức lương tối thiểu

- Cán bộ Đài truyền thanh:
+ Trưởng đài:

0,8 mức lương tối thiểu

+ Nhân viên:
0,5 mức lương tối thiểu

- Cán bộ Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ:
0,5 mức lương tối thiểu

- Cán bộ Dân số-Gia đình-Trẻ em:
0,6 mức lương tối thiểu

Phó chủ tịch Ủy ban MTTQ
0,5 mức lương tối thiểu

- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh:
0,5 mức lương tối thiểu

- Phó Chủ tịch Hội nông dân:
0,5 mức lương tối thiểu

- Phó Chủ tịch Hội phụ nữ:
0,5 mức lương tối thiểu

- Phó Bí thư Đoàn thanh niên:
0,5 mức lương tối thiểu

- Chủ tịch Hội Người cao tuổi:
0,5 mức lương tối thiểu

- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ:
0,5 mức lương tối thiểu

2. Đối với cán bộ không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

a. Số lượng:

- Thôn (hoặc tổ dân phố ở thị trấn) có dưới 1.500 khẩu có Bí thư Chi bộ và Trưởng thôn.

- Thôn (hoặc tổ dân phố ở thị trấn) có từ 1.500 khẩu đến 2.500 khẩu có Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn và 01 Phó thôn.

- Thôn (hoặc tổ dân phố ở thị trấn) có trên 2.500 khẩu có Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn và 02 Phó thôn.

- Thôn (hoặc tổ dân phố ở thị trấn) có số dân từ 1.500 khẩu trở xuống có 01 Công an viên; có trên 1.500 khẩu được bố trí 02 Công an viên.

- Mỗi tổ dân phố ở phường có Tổ trưởng và Bí thư Chi bộ.

b. Mức phụ cấp:

- Bí thư Chi bộ thôn:
0,7 mức lương tối thiểu

- Trưởng thôn:
0,7 mức lương tối thiểu

- Bí thư Chi bộ tổ dân phố ở thị trấn:
0,6 mức lương tối thiểu

- Tổ trưởng tổ dân phố ở thị trấn:
0,6 mức lương tối thiểu

- Phó thôn và tổ phó tổ dân phố ở thị trấn:
0,4 mức lương tối thiểu

- Công an viên ở thôn và tổ dân phố ở thị trấn:
0,6 mức lương tối thiểu

- Bí thư Chi bộ tổ dân phố ở phường:
0,4 mức lương tối thiểu

- Tổ trưởng tổ dân phố ở phường:
0,4 mức lương tối thiểu

3. Trường hợp kiêm nhiệm thêm một chức danh không chuyên trách thì hưởng thêm 50% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm thêm nhiều chức danh không chuyên trách thì chỉ hưởng thêm 50% phụ cấp của một chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất.

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Thời điểm thực hiện từ ngày 01 tháng 8 năm 2005.

Điều 3. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Nghị quyết số 08/2005/ NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2005
Về quy hoạch các trạm thu phí qua cầu trên hệ thống đường
tỉnh Hà Nam.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng quỹ đường bộ;

Sau khi nghe, thảo luận Tờ trình số 641/TT-UBND ngày 01/7/2005 của UBND tỉnh về quy hoạch các trạm thu phí qua cầu trên hệ thống đường tỉnh và báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quy hoạch các trạm thu phí qua cầu trên hệ thống đường tỉnh như sau:

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVI thông qua tại kỳ họp thứ 4, ngày 15/7/2005.

CHỦ TỊCH

Tăng Văn phả

- 1, Trạm thu phí qua cầu Phủ Lý.
- 2, Trạm thu phí qua cầu Bồng Lạng.
- 3, Trạm thu phí qua cầu Khả Phong.
- 4, Trạm thu phí qua cầu Kiện Khê.
- 5, Trạm thu phí qua cầu Quế.
- 6, Trạm thu phí qua cầu Châu Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực HĐND, các ban HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Hà Nam khoá XVI thông qua tại kỳ họp thứ 4, ngày 15/7/2005.

CHỦ TỊCH

Tăng Văn phả

CHỈ THỊ
CỦA UBND TỈNH HÀ NAM

Chỉ thị số 02/2005/CT-UB, ngày 14 tháng 01 năm 2005

Về “Việc tăng cường thực hiện Nghị định 47/CP ngày 12/8/1996 về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ”, Chỉ thị 406/TTg ngày 08/8/1996 của Thủ tướng Chính phủ về: “Cấm sản xuất, kinh doanh, buôn bán và đốt pháo”

Trong thời gian gần đây ở một số tỉnh, thành phố đã xảy ra một số vụ buôn bán vũ khí, vật liệu nổ... đáng chú ý là tình trạng một số đối tượng còn do thuộc các băng ổ nhóm dùng vũ khí, vật liệu nổ để gây án hoặc trả thù lẫn nhau. Hiện tượng buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng các loại pháo vẫn còn xảy ra nhất là trong dịp tết Nguyên Đán.

Ở Tỉnh ta trong những năm gần qua thực hiện Nghị định 47/CP, Chỉ thị 406/TTg của Chính phủ đã được mọi tầng lớp nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra một số vụ sử dụng vật liệu nổ, vũ khí thô sơ để trả thù cá nhân... Hiện tượng vận chuyển buôn bán, tàng trữ các loại pháo vẫn còn xuất hiện trở lại.

Để thực hiện nghiêm chỉnh triệt để Nghị định 47/CP, Chỉ thị 406/TTg của Chính phủ nhằm đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau tết Nguyên đán Ất Dậu 2005. Ủy ban nhân dân tỉnh Chỉ thị:

1- Mở đợt tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân trên phạm vi toàn tỉnh về nhận thức và ý thức chấp hành nghiêm túc Nghị định 47/CP ngày 12/8/1996, Chỉ thị 406/TTg ngày 08/8/

1994, Nghị quyết số 05/CP ngày 11/01/1997 của Chính phủ về: “Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ và cấm sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng các loại pháo”.

2- Sở Công nghiệp, Sở khoa học và công nghệ, Sở thương mại và các Sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Công an tỉnh tổ chức kiểm tra việc cung cấp và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp các trường hợp buôn bán, vận chuyển, tàng trữ pháo trái phép. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức kiểm tra vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được trang bị theo quy định của Bộ Quốc phòng. Đồng thời phối hợp với Công an tỉnh kiểm tra vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do Quân đội trang cấp cho bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp... và dân quân tự vệ ở các xã, phường, thị trấn trên phạm vi toàn tỉnh.

3- Đài phát thanh truyền hình tỉnh Hà Nam, Sở Văn hoá thông tin Hà Nam căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức tuyên truyền rộng rãi Nghị định 47/CP, Chỉ thị 406/TTg và các văn bản của Chính phủ và Bộ Công an trên phương tiện thông tin đại chúng và các nơi công cộng

để cán bộ, nhân dân trong tỉnh nghiêm túc thực hiện.

4- Giao cho Công an tỉnh căn cứ vào các Nghị định, Chỉ thị của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Công an xây dựng kế hoạch mở đợt tổng kiểm tra thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ và các loại đồ chơi có tính bạo lực nguy hiểm trái phép. Phát động toàn dân tự giác giao nộp và phát hiện tố giác các trường hợp tàng trữ, buôn bán, vận chuyển, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các loại pháo để thu hồi triệt để đồng thời có trách nhiệm tổng hợp tình hình kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công an theo quy định.

Yêu cầu các đồng chí Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Thủ tướng các Sở, ban ngành của tỉnh, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị mình tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện có gì vướng mắc phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua văn phòng) để chỉ đạo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn cương

**Chỉ thị số 03/CT-UB, ngày 14 tháng 01 năm 2005
Về công tác quốc phòng địa phương năm 2005**

Năm 2004, là năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết TW 8 (khoá IX) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã tích cực triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết; Chỉ thị của cấp trên và Nghị quyết số 11/NQ-TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Chỉ thị số 02/CT-UB của UBND tỉnh về công tác quốc phòng địa phương, có nhiều nhiệm vụ hoàn thành tốt. Qua các cuộc thanh tra, kiểm tra toàn diện của Bộ tư lệnh quân khu 3 và Bộ quốc

phòng về công tác quốc phòng, quân sự địa phương tỉnh đều đạt loại giỏi. Kết quả đó đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững sự ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần củng cố thế trận quốc phòng an ninh tạo điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn của tỉnh.

Năm 2005, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội 5 năm (2001-2005) theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Là

năm có những ngày kỷ niệm lớn của Đảng và Nhà nước; năm diễn ra Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Trong điều kiện có nhiều thuận lợi cơ bản, song cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định và diễn biến khó lường nhất là chủ nghĩa Đế Quốc và các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “DBHB” bạo loạn lật đổ đối với Cách mạng nước ta ngày càng tinh vi, quyết liệt hơn.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 11/01/2005 của Tỉnh uỷ Hà Nam về công tác quốc phòng địa phương năm 2005; UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, đoàn thể, các địa phương trong tỉnh tập trung thực hiện tốt những mặt công tác chính sau:

1- Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng an ninh, về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nghị định 119/2004/NĐ-CP của Chính phủ về công tác quốc phòng ở Bộ, ngành Trung ương và các địa phương. Tổ chức quán triệt sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc pháp lệnh Dân quân tự vệ (DQTV); Nghị định 184/2004/NĐ-CP, ngày 02/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành pháp lệnh DQTV. Kiện toàn biên chế lực lượng DQTV, tập trung chỉ đạo phát triển Đảng viên mới trong lực lượng

DQTV nâng tỷ lệ Đảng viên trong DQTV lên 15% (So với tổng biên chế). Quá trình xây dựng lực lượng DQTV phải gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

2- Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 62/CT-TW, ngày 12/02/2001 của Bộ chính trị; Nghị quyết số 15/2001/NĐ-CP, ngày 01/5/2001 của Chính phủ về công tác giáo dục quốc phòng (GDQP) ở các cấp, các ngành, các địa phương theo Chỉ thị số 42/2004/CT-TTg ngày 03/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ. Cấp huyện, thị xã tổ chức sơ kết xong trong quý II/2005, cấp tỉnh sơ kết trong quý III/2005.

Hội đồng giáo dục quốc phòng các cấp duy trì hoạt động có nề nếp. Tăng cường công tác GDQP toàn dân trên các phương tiện thông tin đại chúng đạt hiệu quả thiết thực. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng (KTQP), an ninh cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và Đảng viên theo quy định của Bộ Quốc phòng; bồi dưỡng KTQP cho các chức sắc, chức việc tôn giáo. Tổ chức tốt hội thi môn GDQP cho học sinh, sinh viên các trường THPT; THCS-DN và cao đẳng. Hoàn thành chương trình đào tạo cán bộ chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn (khóa I), chuẩn bị chiêu sinh khóa II vào tháng 11/2005.

3- Đăng ký, quản lý chặt chẽ công dân trong độ tuổi nhập ngũ, tuyển chọn

gọi công dân nhập ngũ đúng luật, đủ chỉ tiêu Chính phủ giao, bảo đảm chất lượng, an toàn, tiết kiệm, không có quân nhân đào bỏ ngũ.

Nâng cao chất lượng toàn diện lực lượng dự bị động viên (DBĐV), báo động kiểm tra quân số và huấn luyện đúng quy định.

4- Các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức tuyên truyền kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống DQTV bảo đảm trang trọng, tiết kiệm đạt hiệu quả thiết thực.

Chỉ đạo chặt chẽ việc bồi dưỡng cán bộ và huấn luyện lực lượng DQTV theo chương trình mới của Bộ quốc phòng. Tổ chức rút kinh nghiệm 3 năm xây dựng, huấn luyện và hoạt động của đại đội Pháo phòng không 37 ly Dân quân huyện Thanh Liêm, giúp Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm tại tỉnh. Tuyển chọn huấn luyện lực lượng DQTV tham gia điều duyệt nhân kỷ niệm 60 năm ngày thành lập nước và kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Quân khu 3 đủ chỉ tiêu, đúng kế hoạch, bảo đảm chất lượng.

Phát huy kết quả tổng kết 15 năm xây dựng khu vực phòng thủ (KVPT), tăng cường xây dựng tiềm lực khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, thị xã, gắn phát triển kinh tế, xã hội với củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận lòng dân. Kiểm tra, rà soát, bổ sung quyết tâm

bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, kế hoạch A2, A4, kế hoạch phòng chống các hoạt động khủng bố, kế hoạch phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, kế hoạch phòng chống cháy nổ của tỉnh và các huyện, thị xã, kế hoạch chiến đấu trị an của các xã, phường, thị trấn và kế hoạch bảo vệ cơ quan, xí nghiệp của các đơn vị tự vệ. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn huyện Duy Tiên, huyện Bình Lục mỗi huyện chỉ đạo tổ chức diễn tập quốc phòng an ninh 01 xã theo quy chế phối hợp đã ký kết giữa Quân sự - Công an.

5- Ban hậu cần nhân dân, hậu cần địa phương nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động, động viên toàn dân, phát huy nội lực bảo đảm ngân sách chi cho công tác Quốc phòng địa phương và chế độ chính sách cho cán bộ, chiến sỹ DQTV, DBĐV theo quy định. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tích cực giải quyết chính sách tồn đọng sau chiến tranh.

Quản lý chặt chẽ vũ khí trang bị, các công trình quốc phòng và đất quốc phòng trên địa bàn toàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện đề án kết hợp kinh tế - quốc phòng khu căn cứ Lê Chân huyện Kim Bảng.

6- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức thanh tra thực hiện Nghị định 119/2004/NĐ-CP của Chính phủ về công tác quốc phòng địa phương đối với một số huyện, thị xã và Sở, ban, ngành của tỉnh.

Nhận được Chỉ thị này, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, chủ tịch UBND các huyện, thị xã tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, nhân dân, lực lượng vũ trang và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao văn phòng UBND tỉnh và Bộ chỉ huy quân

sự tỉnh thường xuyên theo dõi kiểm tra việc thực hiện, tổng hợp kết quả báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh theo chế độ quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đinh Văn cương

Chỉ thị số 04/2005/CT-UB, ngày 14 tháng 01 năm 2005

Về công tác an ninh trật tự năm 2005

Năm 2004, các cấp chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh đã tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nhiệm vụ an ninh trật tự năm 2004. Đã chủ động hơn trong công tác nắm tình hình, triển khai các giải pháp đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 08 của Bộ chính trị về chiến lược an ninh quốc gia, Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX về “Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”, đảm bảo tuyệt đối an toàn cuộc bầu cử HĐND các cấp và các sự kiện chính trị lớn của đất nước, các mục tiêu chính trị, kinh tế trọng điểm trên địa bàn tỉnh không để xảy ra “đột xuất, bất ngờ”. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09/CP và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ, Chương trình hành động phòng chống ma tuý, mại dâm giai đoạn 2001-2005 góp phần đấu tranh làm giảm tội phạm hình sự. Thực hiện tốt Nghị

quyết 13/CP và Chỉ thị số 12/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 02/BCA của Bộ Công an về đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2004 đạt được mục tiêu làm giảm tai nạn giao thông trên địa bàn. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được chú trọng phát động ở những địa bàn phức tạp về an ninh trật tự mang lại hiệu quả thiết thực. Những kết quả đạt được trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo chuyển biến tốt về trật tự xã hội, phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự vẫn còn bộc lộ một số tồn tại thiếu sót đã làm hạn chế đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Tình hình tham nhũng, tiêu cực còn phức tạp, tội phạm hình sự tuy có giảm nhưng chưa vững chắc, tội phạm về tệ nạn ma

tuý, tai nạn giao thông vẫn còn là vấn đề bức xúc. Việc phối kết hợp giữa các cấp, các ngành, đoàn thể có nơi có lúc thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Để thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết số 16 NQ/TU ngày 11/01/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam về nhiệm vụ an ninh trật tự năm 2005, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1- Tổ chức quán triệt đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước về an ninh trật tự. Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Luật an ninh quốc gia, Nghị quyết số 40-NQ/TW của Bộ chính trị về nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác Công an trong tình hình mới. Tập trung chỉ đạo xây dựng củng cố thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc ở từng địa phương, đơn vị.

2- Tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm và tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và nghị quyết 08 của Bộ chính trị (khoá VIII) về chiến lược an ninh quốc gia. Củng cố, hoàn thiện và tổ chức diễn tập phương án bảo vệ mục tiêu chính trị,

kinh tế, quốc phòng, an ninh, phương án xử lý các tình huống phức tạp có thể xảy ra như khủng bố, gây rối, gây bạo loạn, biểu tình... ở các mục tiêu, địa bàn trọng điểm theo kế hoạch. Nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, sự điều hành của Chính quyền vai trò tham mưu của lực lượng công an địa phương, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong nắm bắt, đánh giá chính xác và giải quyết kịp thời tình hình phức tạp xảy ra trên địa bàn, không để các thế lực thù địch lợi dụng can thiệp.

3- Tập trung chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị định 33/CP của Chính phủ về bảo vệ BMNN. Các cấp chính quyền, các ngành, các lực lượng vũ trang trong tỉnh phải sớm có kế hoạch cụ thể bảo vệ tuyệt đối an toàn Đại hội Đảng các cấp, các ngày lễ kỷ niệm lớn của đất nước, các mục tiêu chính trị, kinh tế trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Lực lượng công an tập trung rà soát, phát hiện và có kế hoạch phối hợp với các ngành chức năng giải quyết tình hình liên quan đến an ninh chính trị, an ninh nội bộ, an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn. Chủ động nắm tình hình phát hiện và kịp thời giải quyết ngay tại cơ sở các mâu thuẫn, tranh chấp khiếu kiện phức tạp trong nhân dân không để phát sinh phức tạp, nhất là tại các dự án khu công

nghiệp, khu đô thị, xây dựng và mở rộng các tuyến giao thông... tạo điều kiện cho các dự án triển khai thuận lợi, phát huy hiệu quả. Tập trung đấu tranh với số đối tượng cơ hội chính trị, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ phục vụ Đại hội Đảng các cấp.

4- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09/CP và chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ, tập trung công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng, tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy và tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; tổng kết, nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến trong phòng chống tội phạm; sơ, tổng kết các đề án của chương trình, xây dựng kế hoạch tiếp tục thực hiện giai đoạn 2006-2010. Tiếp tục mở các đợt cao điểm phát động quần chúng tấn công trấn áp tội phạm trên các tuyến, địa bàn trọng điểm. Hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các ngành, nhất là các ngành trong khối nội chính, các ngành làm án trong phòng chống tội phạm, nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng pháp luật. Sơ kết việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch liên tịch, chương trình phối hợp hành động đã ký kết giữa các ngành, đoàn thể trong đấu

tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Công an chủ trì phối hợp với Thanh tra, VKSND, TAND tổ chức tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm trong phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng, trên cơ sở đó có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh với loại tội phạm này; phối hợp với các ngành liên quan, rà soát, đề xuất bổ sung những quy định về quản lý kinh tế, khắc phục sơ hở, hạn chế những điều kiện phát sinh tiêu cực, tham nhũng.

- Tổ chức phát động phong trào quần chúng tấn công trấn áp tội phạm giữ gìn trật tự an toàn xã hội với quy mô thích hợp để giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc tại địa phương đồng thời tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm trong công tác đấu tranh chống tội phạm nhất là tội phạm có tổ chức và tội phạm ma túy để nâng cao chất lượng hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh trấn áp tội phạm trong tình hình mới.

5- Nâng cao hiệu lực các biện pháp quản lý Nhà nước về an ninh trật tự.

- Tăng cường công tác quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, công tác quản lý nhân hộ khẩu, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, làm giảm tai nạn giao thông.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, tổ chức sơ kết Nghị quyết 08- NQ-TW của Bộ chính trị về cải cách tư pháp để đẩy mạnh thực hiện, tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật và trách nhiệm công dân về bảo vệ an ninh trật tự.

6- Tiếp tục mở rộng, nâng cao hiệu quả mối quan hệ hiệp đồng chặt chẽ giữa lực lượng Công an nhân dân với quân đội nhân dân và các ngành, đoàn thể trong việc vận động quần chúng tham gia phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.

Tăng cường củng cố, xây dựng lực lượng Công an xã, bảo vệ dân phố, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh, chú trọng đào tạo nghiệp vụ cho lực lượng Công an xã đáp ứng yêu cầu công tác giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở. Nghiên cứu đề xuất sửa đổi bổ sung chính sách với cán bộ Công an xã, bảo vệ dân phố nhằm phát huy trách nhiệm, củng cố hoạt động nâng cao chất lượng của lực lượng Công an xã trong công tác bảo vệ an ninh trật tự.

7- Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, pháp luật cho cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân. Đẩy mạnh phong trào thi đua học tập, thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân gắn

với phong trào thi đua “ Vì an ninh Tổ quốc”. Tiếp tục xây dựng lực lượng công an nhân dân Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Từng bước củng cố và nâng cao chất lượng các cơ quan điều tra của lực lượng Công an theo Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự 2004. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Công an từ tỉnh đến cơ sở vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông pháp luật, có kiến thức khoa học, ngoại ngữ cần thiết đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh trật tự trong tình hình mới.

Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công an nhân dân.

Căn cứ vào Chỉ thị này Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã khẩn trương xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc đạt hiệu quả cao.

UBND tỉnh giao Công an tỉnh phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả hàng tháng về UBND tỉnh (bằng văn bản)./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Chủ tịch
Đình Văn Cường

Chỉ thị số 05/2005/CT-UB, ngày 15 tháng 02 năm 2005

Về nhiệm vụ động viên quân đội năm 2005

Năm 2004 được sự quan tâm lãnh đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 3 và trực tiếp là cấp uỷ, chính quyền các cấp, công tác động viên quân đội của tỉnh đã đạt được kết quả tốt; Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục Luật nghĩa vụ Quân sự (NVQS), pháp lệnh về lực lượng Dự bị động viên (DBĐV) từng bước làm chuyển biến, nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân đối với nhiệm vụ quốc phòng địa phương trong tình hình hiện nay. Hoàn thành 100% chỉ tiêu báo động kiểm tra quân số, huấn luyện, diễn tập đạt hiệu quả thiết thực, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận nguồn động viên trong địa bàn tổ chức phúc tra, sắp xếp các đơn vị DBĐV, hoàn chỉnh soạn thảo văn kiện Kế hoạch xây dựng, Kế hoạch huy động và Kế hoạch tiếp nhận lực lượng DBĐV của cấp tỉnh và cấp huyện bảo đảm đúng quy trình, tiến độ và nội dung sát tình hình thực tế mang tính khả thi cao; Huyện Duy Tiên tiến hành làm điểm khảo sát chất lượng Quân nhân dự bị (QNDB) đã đạt được mục đích yêu cầu đề ra. Công tác đăng ký, quản lý nguồn QNDB được chấn chỉnh từng bước đi vào nề nếp, hiệu quả.

Tuy vậy, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục là: Công tác tuyên truyền

giáo dục Luật NVQS, Pháp lệnh về lực lượng DBĐV có địa phương làm chưa thường xuyên, sâu rộng, mới chỉ tập trung vào thời điểm báo động, kiểm tra quân số, huấn luyện. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân dân và QNDB về nhiệm vụ động viên quân đội còn hạn chế, chất lượng biên chế của một số đơn vị DBĐV binh chủng còn thấp so với yêu cầu; Công tác đăng ký, quản lý nguồn động viên có cơ sở làm chưa chặt chẽ, thiếu chính xác, nhất là số QNDB thường xuyên đi làm ăn xa vắng, các phương tiện kỹ thuật do tư nhân quản lý. Chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ giữ các chức vụ chỉ huy đơn vị DBĐV còn hạn chế.

Thi hành Quyết định số 1217/QĐ-TTg ngày 22/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu (SSCD) QNDB năm 2005; Chỉ lệnh số 1988/CL-BTL ngày 30/12/2004 của Bộ Tư lệnh quân khu 3 về tổ chức lực lượng năm 2005. Trên cơ sở Chỉ thị số 03/CT-UB ngày 14/01/2005 của UBND tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng địa phương năm 2005, để hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên quân đội năm 2005, UBND tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thủ trưởng các cơ quan ban, ngành,

đoàn thể trong tình triển khai, thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục sâu rộng luật NVQS, Pháp lệnh về lực lượng DBĐV trong mọi tầng lớp nhân dân nhằm làm chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức quốc phòng, nghĩa vụ, trách nhiệm các tổ chức chính trị, xã hội và của mọi công dân đối với sự nghiệp “Xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa” trong tình hình hiện nay.

2- Duy trì thực hiện tốt quy định về đăng ký, quản lý nguồn động viên, thường xuyên nắm chắc số lượng, chất lượng QNDB và phương tiện kỹ thuật (PTKT) của nền kinh tế quốc dân trên địa bàn quản lý. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ tuyển quân với việc khoanh vùng địa bàn động viên để tạo nguồn cho các đơn vị DBĐV nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

3- Trên cơ sở kế hoạch động viên các Sở, ngành địa phương, đơn vị tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch theo yêu cầu nhiệm vụ được giao để bảo đảm tính khả thi của kế hoạch. Đồng thời tổ chức phúc tra, sắp xếp, kiện toàn biên chế nâng cao chất lượng các đơn vị DBĐV, ưu tiên cho các đơn vị làm nhiệm vụ A2, đơn vị được động viên ở trạng thái SSCĐ cao, đơn vị ở các địa bàn trọng điểm.

4- Tổ chức báo động kiểm tra quân số, huấn luyện lực lượng DBĐV theo chỉ tiêu được giao. Nâng cao chất lượng và hiệu quả huấn luyện, gắn huấn luyện với diễn

tập chỉ huy cơ quan trên bản đồ có kết hợp huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV.

5- Từng bước kiện toàn hoàn chỉnh các thủ tục chuẩn bị cho công tác triển khai huy động lực lượng DBĐV khi có lệnh thời chiến. Triển khai thật tốt các bước chuẩn bị cho tổng kết 10 năm thực hiện pháp lệnh về lực lượng DBĐV (1996-2006) vào năm 2006 để đánh giá đúng mức kết quả đạt được trong 10 năm qua, đề ra chủ trương, giải pháp cho những năm tiếp theo, đưa công tác động viên phát triển lên một bước mới.

6- Tiếp tục điều tra, khảo sát nắm chắc năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho quân đội của các doanh nghiệp công nghiệp dân sinh trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch và sẵn sàng động viên công nghiệp khi có chỉ tiêu được giao.

7- Bảo đảm ngân sách, vật chất cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng DBĐV theo quy định của Pháp lệnh về lực lượng DBĐV. Các địa phương, đơn vị cần có biện pháp quản lý chặt chẽ, đầu tư nguồn ngân sách bảo đảm cho nhiệm vụ động viên quân đội. Chấp hành nghiêm việc bảo đảm chế độ, tiêu chuẩn, chính sách cho QNDB, gia đình QNDB tham gia huấn luyện, kiểm tra theo lệnh gọi, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng sử dụng ngân sách sai mục đích.

8- Giao cho Bộ CHQS tỉnh xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cụ thể các địa

phương, đơn vị triển khai thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác động viên quân đội năm 2005.

Nhận được Chỉ thị này Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành quán triệt chỉ đạo địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ động viên năm 2005 đạt kết quả cao.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Văn phòng UBND tỉnh và Bộ CHQS tỉnh thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện tổng hợp báo cáo kết quả bằng văn bản về UBND tỉnh theo chế độ quy định.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đinh Văn cương

Chỉ thị số 06/CT-UB, ngày 03 tháng 03 năm 2005

**V/v phòng chống dịch bệnh, bảo vệ
và phát triển đàn gia súc - gia cầm năm 2005**

Năm 2004, dịch cúm gia cầm lần đầu tiên xảy ra trên diện rộng, tại tỉnh nhà 68% số xã và 22% số thôn có dịch phải tiêu hủy 5,9% đàn gia cầm đã làm giảm đáng kể tổng đàn gia cầm và ảnh hưởng đến kết quả ngành chăn nuôi. Song, với tinh thần phòng chống dịch cúm gia cầm khẩn trương, từ đó rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện tốt các đợt tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm nên không có ổ dịch lớn xảy ra, chăn nuôi được giữ vững và phát triển. Bước sang năm 2005, ngay từ những ngày đầu năm dịch cúm gia cầm đã tái phát ở một số điểm tại huyện Lý Nhân cũng đã được khoanh vùng dập tắt nhanh, không để lây lan ra diện rộng.

Hiện nay, diễn biến dịch bệnh nhất là dịch cúm gia cầm vẫn còn tiềm ẩn,

khó lường. Để đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm năm 2005, UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung chỉ đạo đồng thời cả 2 nhiệm vụ chính, vừa là nhiệm vụ trọng tâm và trước mắt là: Giám sát, quản lý dịch cúm gia cầm không để tái phát lây lan ra diện rộng và triển khai thực hiện các đợt tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ cao, phấn đấu mỗi đợt trong năm đạt tỷ lệ 70% so với tổng đàn, riêng vùng nguyên liệu xuất khẩu trên 80%, đàn chó và gia cầm đạt 100%.

2. Duy trì hoạt động của BCD phòng chống dịch các cấp thực hiện tốt công tác kiểm dịch vận chuyển tại các chốt kiểm dịch đã xác lập, tăng cường hơn

nữa việc kiểm tra vệ sinh thú y, kiểm soát giết mổ tại các chợ để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

3. Các sở, ngành có liên quan trong tỉnh theo chức năng, tăng cường phối hợp tạo điều kiện góp phần thúc đẩy chăn nuôi phát triển, tăng nhanh tỷ trọng và giá trị thu nhập đối với sản phẩm ngành chăn nuôi gắn với chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt các mặt của công tác phòng chống dịch bệnh, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm theo mục tiêu nêu trên.

4. Cơ quan tuyên truyền các cấp cần tăng cường phối hợp với cơ quan chuyên ngành bằng nhiều hình thức đa dạng, tuyên truyền sâu rộng pháp lệnh thú y và công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm để mọi hộ chăn nuôi tự giác chấp hành pháp

lệnh, tăng nhanh tỷ lệ tiêm phòng đảm bảo khả năng miễn dịch phòng bệnh.

5. Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt kế hoạch. Chú trọng chỉ đạo khoanh vùng dập tắt kịp thời các ổ dịch cúm gia cầm phát sinh; cung ứng đầy đủ, kịp thời vắc xin cho các đợt tiêm phòng và thực hiện tốt việc quản lý cấp phép nuôi mới đàn thủy cầm và chim cút theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ thị này được phổ biến đến các cấp, các ngành có liên quan và từng cơ sở xã, HTX DVNN trong tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp kết quả báo cáo về UBND tỉnh./.

KT. CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phó Chủ tịch
Nguyễn Trí Ngọc

Chỉ thị số 07/CT-UB ngày 09 tháng 5 năm 2005
Về việc chỉ đạo và tổ chức các kỳ thi năm 2005

Trong những năm vừa qua, sự nghiệp giáo dục - đào tạo Hà Nam đã có những bước phát triển tốt. Trật tự, kỷ cương trong giáo dục - đào tạo được coi trọng. Việc tổ chức các kỳ thi theo quy chế thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện tương đối nghiêm túc,

phản ánh trung thực được chất lượng dạy và học trong các trường, các cơ sở giáo dục, tạo niềm tin trong nhân dân.

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), Nghị quyết Đại Hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Kết luận Hội nghị lần thứ VI Ban chấp hành

trung ương đảng Khoá IX, Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XVI, thực hiện Chỉ thị số 25/2004/BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ của toàn ngành trong năm học 2004 – 2005; để chỉ đạo, tổ chức tốt các kỳ thi Quốc gia và cấp tỉnh năm 2005 an toàn, nghiêm túc. Công bằng, đúng quy chế, đạt hiệu quả cao; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam yêu cầu:

- Sở GD - ĐT, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có kế hoạch chỉ đạo các đơn vị giáo dục trực thuộc, các phòng giáo dục - đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các nhà trường và cơ sở giáo dục tổ chức các kỳ thi theo quy chế thi và hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Sở giáo dục - Đào tạo; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí, đảm bảo an ninh trật tự... để ngành giáo dục - đào tạo tổ chức các kỳ thi an toàn, nghiêm túc, công bằng, đúng quy chế.

- Các ngành Công an, Quân sự, Tài chính, Kho bạc, Văn hoá thông tin, Bưu điện, Điện lực, Giao thông vận tải, Y tế, Thanh tra theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp với ngành giáo dục - đào tạo phục vụ tốt cho các kỳ thi.

- Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền quan điểm chỉ đạo, tổ chức các kỳ thi an toàn, nghiêm túc, công bằng, đúng quy chế và đạt kết quả tốt.

- Ngành giáo dục - đào tạo, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm chuẩn bị mọi điều kiện phục vụ cho các kỳ thi; xây dựng kế hoạch ôn tập, kinh phí, cơ sở vật chất, bố trí lực lượng; tổ chức các kỳ thi theo đúng quy chế thi, xử lý kịp thời, nghiêm túc các hiện tượng vi phạm nhằm hoàn thành tốt các kỳ thi trong năm 2005. Giáo dục cán bộ, giáo viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nhà giáo, tổ chức ôn tập nghiêm túc, đảm bảo chất lượng; tham gia các kỳ thi với thái độ trung thực, chống mọi biểu hiện vi phạm quy chế thi.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cấp chính quyền, các ban ngành, đoàn thể quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ngành giáo dục - đào tạo hoàn thành nhiệm vụ tổ chức tốt các kỳ thi năm 2005.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đinh Văn Cường

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA UBND TỈNH HÀ NAM**

Quyết định số 20/2005/QĐ-UB, ngày 06 tháng 01 năm 2005
Ban hành Quy chế phối hợp quản lý doanh nghiệp hoạt động theo-
Luật Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM.

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 và Nghị định số 125/2004/NĐ-CP ngày 19/5/2004 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02/4/2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
Chủ tịch
Đình Văn Cường

QUY CHẾ

PHỐI HỢP QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG THEO
LUẬT DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20/2005/QĐ - UB
ngày 6 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Hà Nam)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quan hệ phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong

việc quản lý doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp (Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Quy chế này cũng được áp dụng cho việc quản lý hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Phương pháp phối hợp quản lý

Các cơ quan Nhà nước trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình áp dụng Quy chế này và các văn bản pháp quy chuyên ngành quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp quản lý doanh nghiệp

- Đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Luật Doanh nghiệp.

- Phản ánh kịp thời, chính xác thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vào hệ thống thông tin về doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

PHỐI HỢP QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng đăng ký kinh doanh)

1. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp nhận và bổ sung, cập nhật thông tin về doanh nghiệp.

3. Cung cấp thông tin về doanh nghiệp trong phạm vi địa phương cho UBND tỉnh, các sở có liên quan và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo định kỳ.

- Gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, Văn phòng đại diện tới UBND huyện, thị xã và các cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật cùng cấp trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

- Định kỳ hàng tháng gửi danh sách doanh nghiệp có thông báo tạm ngừng hoạt động, tổ chức lại, giải thể; danh sách các doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện bị đình chỉ hoạt động tới các cơ quan quy định như trên.

- Cung cấp thông tin về doanh nghiệp theo yêu cầu của các cơ quan

Nhà nước có thẩm quyền và của tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản.

- Trình tự và thủ tục cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nam hướng dẫn theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khi xét thấy cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật Doanh nghiệp; đơn đốc doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo tài chính hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

5. Khi xem xét hồ sơ đăng ký kinh doanh nếu phát hiện đăng ký kê khai không chính xác, không đầy đủ, thì yêu cầu người đăng ký kinh doanh hiệu đính hoặc làm lại hồ sơ đăng ký kinh doanh; nếu phát hiện nội dung kê khai là giả mạo, thì từ chối cấp đăng ký kinh doanh.

6. Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nếu phát hiện có nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh là không chính xác, thì tùy theo mức độ vi phạm mà đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Trực tiếp kiểm tra hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp theo nội dung đăng ký kinh doanh.

8. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật.

9. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp hàng năm và đề xuất giải pháp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ ngành Trung ương.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn, tư vấn giám sát việc thực hiện chính sách tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán các doanh nghiệp trên địa bàn.

2. Kiểm tra tài chính doanh nghiệp trên địa bàn khi thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tài chính, mất khả năng thanh toán nợ theo chỉ đạo của UBND tỉnh và thực hiện đúng quy định của Nhà nước về thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền về những biện pháp ngăn ngừa và xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về tài chính.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan Thuế

Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận, sao gửi thông tin về doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh cung cấp cho các đơn vị theo dõi, quản lý doanh nghiệp theo quy định của ngành thuế.

2. Rà soát, đối chiếu doanh nghiệp đã đăng ký mã số thuế với danh sách doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh.

3. Thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư danh sách các doanh nghiệp vi phạm Luật Doanh nghiệp không thuộc thẩm quyền xử lý của ngành thuế.

4. Định kỳ 6 tháng, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh danh sách doanh nghiệp kinh doanh không đăng ký mã số thuế; không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 1 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục hoặc đã giải thể mà vẫn kinh doanh; hoạt động không đúng nội dung đăng ký kinh doanh, không đúng trụ sở địa chỉ đăng ký.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Cục Thuế chỉ đạo các Chi cục thuế trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm :

- Rà soát đối chiếu các doanh nghiệp, chi nhánh đang hoạt động trên địa bàn với thông tin về doanh nghiệp do Cục thuế chuyển đến.

- Định kỳ báo cáo Cục thuế, UBND huyện, thị xã tình hình thực hiện đăng ký kinh doanh, kê khai, nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của Thanh tra Nhà nước tỉnh

1. Hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra đối với các doanh nghiệp trên địa bàn theo hướng dẫn của Thanh tra Nhà nước và yêu cầu công tác quản lý của tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 25/12 hàng năm.

2. Rà soát kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan tránh trùng lặp, gây khó khăn cho doanh nghiệp; tổng hợp chương trình, kế hoạch kiểm tra của các Sở, ngành trong tỉnh và UBND các huyện, thị trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 25/12 hàng năm.

3. Định kỳ 6 tháng đánh giá kết quả thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp,

báo cáo UBND tỉnh và gửi Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Việc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các doanh nghiệp phải thực hiện đúng quy định hiện hành về công tác thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp.

Việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp chỉ thực hiện khi có quyết định của thủ trưởng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; không được tiến hành trùng lặp, không quá một lần về cùng một nội dung trong một năm đối với một doanh nghiệp (trừ trường hợp bất thường). Các cơ quan Nhà nước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp phải theo đúng chức năng, thẩm quyền, thủ tục do pháp luật quy định và phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, Ngành liên quan

1. Thực hiện quản lý Nhà nước về doanh nghiệp theo chuyên ngành.

2. Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật theo ngành trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh.

3. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và gửi Thanh tra Nhà nước tỉnh trước ngày 25/11 hàng năm.

4. Định kỳ hàng quý, tổng hợp và thông báo danh sách doanh nghiệp bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật cho Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh).

5. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển kinh doanh.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND huyện, thị

1. Quản lý hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn, phối hợp với các Sở, ngành thực hiện quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp theo thẩm quyền.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật: tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn phát triển sản xuất kinh doanh.

3. Định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh):

- Thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn.

- Tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp trên địa bàn.

- Những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể.

- Hướng dẫn, chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn trong việc phối hợp

xác minh thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn.

4. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên phạm vi địa bàn

5. Thông báo thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn cho các xã, phường, thị trấn.

6. Thực hiện chế độ tiếp nhận và bổ sung, cập nhật thông tin và chế độ cung cấp thông tin về hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh).

7. Chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh trực thuộc:

- Định kỳ báo cáo UBND cấp huyện, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư về hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp trên phạm vi địa bàn.

- Trực tiếp hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể theo nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện trên phạm vi địa bàn theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh).

- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể trong các trường hợp sau :

+ Không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Ngừng hoạt động kinh doanh quá 60 ngày liên tục mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký kinh doanh.

+ Chuyển địa điểm kinh doanh sang huyện, thị khác.

+ Kinh doanh ngành nghề bị cấm.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Doanh nghiệp

1. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo điều 8 của Luật doanh nghiệp năm 1999 quy định.

2. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính hàng năm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

- Cơ quan, tổ chức cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định pháp luật và Quy chế này được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Cơ quan, tổ chức cá nhân, Doanh nghiệp có hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh, quy định của pháp luật và Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, hiệp hội doanh nghiệp thuộc tỉnh Hà Nam thực hiện :

- Vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

- Tham gia, đề xuất với các cơ quan quản lý Nhà nước những biện pháp

nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tổ chức đánh giá, bình chọn và khen thưởng doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước, UBND các cấp tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Các Tổ chức, Doanh nghiệp và cá nhân, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn Cường

Quyết định số 29/2005/QĐ-UB, ngày 7 tháng 01 năm 2005

V/v Thành lập Ban chỉ đạo Đại hội TDTT tỉnh Hà Nam lần thứ II năm 2006.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Công văn số 1367/UB-TDTT ngày 05/11/2004 của ủy ban Thể dục Thể thao Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức Đại TDTT các cấp và Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ V năm 2006;

Xét đề nghị của Sở Thể dục Thể thao (tại Tờ trình số 173/TT-TDTT ngày 10/12/2004;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo Đại hội TDTT tỉnh Hà Nam lần thứ II năm 2006 gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Trí Ngọc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban.

2. Ông Đình Trọng Hải - Giám đốc Sở TDTT - Phó Ban thường trực.

3. Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Giám đốc Sở GD-ĐT - Phó ban.

4. Ông Đỗ Văn Sáng - Chủ tịch UBND thị xã Phủ Lý - Phó ban.

5. Ông Phạm Văn Chất - Giám đốc Công an tỉnh - ủy viên.

6. Ông Phạm Hoài Giang - Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh - ủy viên.

7. Ông Đinh Việt Cường - Giám đốc Đài PTTH tỉnh - ủy viên.

8. Ông Nguyễn Như Lâm - Giám đốc Sở Y tế - ủy viên.

9. Ông Vũ Thanh Liêm - Giám đốc Sở Điện lực - ủy viên.

10. Ông Nguyễn Văn Hùng - Giám đốc Sở Tài chính - ủy viên.

11. Ông Trần Quốc Hùng - Giám đốc Sở VH-TT - ủy viên.

12. Ông Mai Tiến Dũng - Phó chánh Văn Phòng UBND tỉnh - Ủy viên.

13. Ông Vũ Văn Sơn - Phó Giám đốc Sở TĐTT - ủy viên Thường trực.

Mời các ông (bà) có tên sau tham gia Ban chỉ đạo Đại hội:

1. Ông Trần Mạnh Tiến - Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - ủy viên.

2. Bà Trần Thị Mão - Chủ tịch Hội LHPN tỉnh - Ủy viên.

3. Ông Vũ Hiến - Tổng biên tập Báo Hà Nam - ủy viên.

4. Bà Lê Thị Thanh Hà - Bí thư Tỉnh đoàn - ủy viên.

Điều 2. Ban chỉ đạo Đại hội TĐTT tỉnh Hà Nam có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch chỉ đạo Đại hội TĐTT các cấp. Tổ chức Đại hội TĐTT toàn tỉnh lần thứ II và chuẩn bị lực lượng tham gia Đại hội TĐTT toàn quốc lần thứ V.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành, các cấp, các cơ quan có liên quan và các ông (bà) có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đinh Văn Cường

Quyết định số 69/2005/QĐ-UB, ngày 17 tháng 01 năm 2005

Về việc thành lập Hội đồng giám sát xổ số kiến thiết Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003.

Căn cứ Thông tư số: 118/2002/TT-BTC ngày 27/12/2002 của Bộ Tài chính hướng

dẫn tổ chức và hoạt động của Hội đồng giám sát, chứng kiến xổ số kiến thiết.

Xét tờ trình số 110/TT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2004 của Sở Tài chính về việc thành lập Hội đồng Giám sát xổ số kiến thiết tỉnh Hà Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng Giám sát chứng kiến xổ số kiến thiết tỉnh Hà Nam gồm các ông, bà có tên sau:

1. Ông Trần Đâu: PCT UBND tỉnh - Chủ tịch Hội đồng.
2. Ông Đỗ Minh Quân: PGĐ Sở Tài chính - Phó Chủ tịch thường trực.
3. Ông Trần Văn Bình: PGĐ Sở Công an - Ủy viên.
4. Bà Lê Thị Liên: PGĐ Sở Tư pháp - Ủy viên.
5. Ông Nguyễn Văn Soái: Phó chánh Thanh tra tỉnh - ủy viên.
6. Ông Bùi Đức Thành: Giám đốc Công ty xổ số - Thư ký Hội đồng.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng giám sát xổ số kiến thiết tỉnh Hà Nam được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 118/2002/TT- BTC

ngày 27/12/2002 của Bộ Tài chính và Quy chế làm việc của Hội đồng; Các thành viên Hội đồng được uỷ quyền cho cán bộ ngành mình tham gia hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 225/QĐ-UB ngày 17/4/1997 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thành lập Hội đồng Giám sát và chứng kiến huỷ vé quay, quay mở thưởng xổ số kiến thiết và rút vé trúng thưởng xổ số lô tô tỉnh Hà Nam.

Điều 4. Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành: Tài chính, Thanh tra tỉnh, Tư pháp, Công an tỉnh, Công ty xổ số kiến thiết Hà Nam, các ông, bà có tên tại điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn Cường

Quyết định số 78/QĐ-UB, ngày 17 tháng 01 năm 2005

*Ban hành định mức xăng dầu cho các loại xe ô tô có sử dụng
kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 38/1998/NĐ - CP của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành Pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2004/CT- TTg ngày 18/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp tiết kiệm xăng dầu;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính Hà Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bản quy định định mức khoán xăng dầu cho các loại xe ô tô có sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2005.

Giao cho Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực

hiện quản lý xăng dầu theo quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH UBND TỈNH

Phó Chủ tịch

Trần Đậu

ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU Ô TÔ CHẠY XĂNG, DẦU DIEZEN

Ban hành kèm theo quyết định số 78/2005/QĐ-UB ngày 17 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Hà Nam

Số TT	Loại xe, nhãn hiệu	Dung tích, xi lanh	Định mức xăng chuẩn (lít/100km)		Định mức xăng tính cho 100 km					
			Không có d.hoà	Có điều hòa	Từ 0 đến 30 ngàn Km		Trên 30 đến 60 ngàn Km		Trên 60 ngàn km trở lên	
					Không có d.hoà	Có điều hòa	Không có d.hoà	Có điều hòa	Không có d.hoà	Có điều hòa
			Hệ số K		1.18	1.18	1.28	1.28	1.4	1.4
I	TOYOTA									
01	COROLLA	1.6	9	11	10.6	13.0	11.5	14.1	12.6	15.4
02	ANTIS	1.8	9	11	10.6	13.0	11.5	14.1	12.6	15.4
03	CAMRY	2.0	9	11	10.6	13.0	11.5	14.1	12.6	15.4
04	CAMRY	2.2	9	11	10.6	13.0	11.5	14.1	12.6	15.4
05	CAMRY	2.4	10	12	11.8	14.2	12.8	15.4	14.0	16.8
06	CAMRY	3.0	12.5	14.5	14.8	17.1	16.0	18.6	17.5	20.3
07	CROAW	3.0	13	15	15.3	17.7	16.6	19.2	18.2	21.0
08	CRESSIDA	3.0	9	11	10.6	13.0	11.5	14.1	12.6	15.4

Số TT	Loại xe, nhãn hiệu	Dung tích, xi lanh	Định mức xăng chuẩn (lít/100km)		Định mức xăng tính cho 100 km					
			Không có d.hoà	Có điều hòa	Từ 0 đến 30 ngàn Km		Trên 30 đến 60 ngàn Km		Trên 60 ngàn km trở lên	
					Không có d.hoà	Có điều hòa	Không có d.hoà	Có điều hòa	Không có d.hoà	Có điều hòa
			Hệ số K		1.18	1.18	1.28	1.28	1.4	1.4
09	LANDCRUIER	4.0	14	16	16.5	18.9	17.9	20.5	19.6	22.4
10	HIACE	2.4	12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
11	ZASE	2.0	10	12	11.8	14.2	12.8	15.4	14.0	16.8
II MAZDA										
01	MAZDA 323	1.6	8.5	10	10.0	11.8	10.9	12.8	11.9	14.0
02	MAZDA 626	2.4	10	12	11.8	14.2	12.8	15.4	14.0	16.8
03	MAZDA E2000	2.1	12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
04	MAZDA 15 chỗ		12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
III NISAN										
01	NISAN	1.8	8	10	9.4	11.8	10.2	12.8	11.2	14.0
02	NISAN	2.0	9	11	10.6	13.0	11.5	14.1	12.6	15.4
03	NISAN	2.4	9.5	11.5	11.2	13.6	12.2	14.7	13.3	16.1
IV HONDA										
01	HONDA COOC	2.0	8	10	9.4	11.8	10.2	12.8	11.2	14.0
V MITSUBISHI										
01	MITSUBISHI LANCER	1.6	8	10	9.4	11.8	10.2	12.8	11.2	14.0
02	MITSUBISHI LANCER	1.8	8.5	10.5	10.0	12.4	10.9	13.4	11.9	14.7
03	MITSUBISHI LANCER	2.0	9	11	10.6	13.0	11.5	14.1	12.6	15.4
04	MITSUBISHI PAERO	3.4	12	14	14.2	16.5	15.4	17.9	16.8	19.6
05	MITSUBISHI 15 chỗ	2.4	12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
VI DAEWOO										

Số TT	Loại xe, nhãn hiệu	Dung tích, xi lanh	Định mức xăng chuẩn (lít/100km)		Định mức xăng tính cho 100 km					
			Không có d.hoà	Có điều hòa	Từ 0 đến 30 ngàn Km		Trên 30 đến 60 ngàn Km		Trên 60 ngàn km trở lên	
					Không có d.hoà	Có điều hòa	Không có d.hoà	Có điều hòa	Không có d.hoà	Có điều hòa
			Hệ số K		1.18	1.18	1.28	1.28	1.4	1.4
01	NUBIRA	1.5	8.5	11	10.0	13.0	10.9	14.1	11.9	15.4
02	LEGUEAR	2.0	9	11	10.6	13.0	11.5	14.1	12.6	15.4
03	12 Chỗ ngồi		12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
04	16 Chỗ ngồi		12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
05	24 - 30 chỗ ngồi		16	18.5	18.9	21.8	20.5	23.7	22.4	25.9
06	30 Chỗ ngồi trở lên		17.5	21	20.7	24.8	22.4	26.9	24.5	29.4
VII	HUYNDAI									
01	4 Chỗ ngồi	2.0	8.5	10.5	10.0	12.4	10.9	13.4	11.9	14.7
02	12 Chỗ ngồi	2.4	11	14	13.0	16.5	14.1	17.9	15.4	19.6
03	16 Chỗ ngồi	2.4	12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
04	24-30 Chỗ ngồi		16	18.5	18.9	21.8	20.5	23.7	22.4	25.9
05	30 Chỗ ngồi trở lên		18	21	21.2	24.8	23.0	26.9	25.2	29.4
VIII	FORD									
01	LAZER	1.6	11.5	13.5	13.6	15.9	14.7	17.3	16.1	18.9
02	MONDEORD	2.0	12	14	14.2	16.5	15.4	17.9	16.8	19.6
03	12 Chỗ ngồi		12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
04	16 Chỗ ngồi		12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
05	24-30 Chỗ ngồi trở lên		18	21.5	21.2	25.4	23.0	27.5	25.2	30.1
IX	KIA									
01	PRIDER	1.3	8	10	9.4	11.8	12	12.8	11.2	14.0
02	12 Chỗ ngồi		12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
03	16 Chỗ ngồi		12	15	14.2	17.7	15.4	19.2	16.8	21.0
04	30 Chỗ ngồi trở lên		15	18	17.7	21.2	19.2	23.0	21.0	25.2
05	30 Chỗ ngồi trở lên		17	20	20.1	23.6	21.8	25.6	23.8	28.0
X	LADA	1.5	8	10	9.4	11.8	10.2	12.8	11.2	14.0
XI	YAZ 469	2.4	15	18	17.7	21.2	19.2	23.0	21.0	25.2

Quyết định số 79/2005/QĐ-UB, ngày 17 tháng 01 năm 2005

V/v ban hành quy định tạm thời về việc thực hiện mức chi hội nghị, công tác phí.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003.

- Căn cứ Pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Nghị định 38/1998/ND-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh

- Căn cứ Thông tư số 118/2004/TT-BTC ngày 8/12/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong cả nước.

Xét tờ trình số 30/TT-TC ngày 12/01/2005 của Sở Tài chính về mức chi hội nghị, công tác phí đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh với nội dung như sau:

1. Mức chi công tác phí:

a) Trường hợp đi công tác ngoài tỉnh:

- Phụ cấp công tác phí bao gồm: phụ cấp tiền ăn và tiền tiêu vặt, mức chi: 50.000 đồng/ ngày/ người.

- Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác:

+ Mức chi tiền thuê phòng nghỉ được thanh toán theo hoá đơn thu tiền thực tế, nhưng tối đa không quá 120.000 đồng/ngày/ người.

+ Trường hợp người đi công tác một mình hoặc đoàn đi công tác có lẻ người, người khác giới phải thuê phòng riêng thì mức thanh toán tiền thuê phòng nghỉ đối với người đi công tác một mình hoặc người lẻ, người khác giới trong đoàn tối đa không quá 240.000 đồng/ ngày/ người.

+ Cán bộ được cử đi công tác nghỉ tại các địa phương không có nhà nghỉ, nhà khách, nghỉ tại nhà riêng (không có hoá đơn) thì được thanh toán theo mức khoán 40.000 đồng/ ngày/ người.

b) Thanh toán khoán công tác phí trường hợp đi công tác trong tỉnh:

- Đối với cán bộ xã: áp dụng cho trường hợp cán bộ được cử đi công tác thường xuyên trong huyện trên 10

ngày/ tháng mức khoán là: 40.000
đồng/tháng/ người.

- Đối với cán bộ thuộc các cơ quan,
đơn vị còn lại:

+ Trường hợp người đi công tác
thường xuyên phải đi công tác lưu động
trên 15 ngày/ tháng mức khoán: 150.000
đồng/ tháng/ người.

+ Trường hợp người đi công tác
thường xuyên phải đi công tác lưu động
dưới 15 ngày/ tháng mức khoán: 100.000
đ/ tháng/ người.

2. Mức chi hội nghị :

*a) Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu
và khách mời không hưởng lương:*

- Hội nghị ở tỉnh:

30.000 đ/ngày/người.

- Hội nghị ở huyện:

20.000 đ/ngày/người

- Hội nghị ở xã:

10.000 đ/ ngày/ người

Trong trường hợp phải tổ chức ăn
tập trung, cơ quan tổ chức hội nghị thực
hiện thu tiền ăn của các đại biểu và chỉ
được nấu ăn theo mức:

- Hội nghị ở tỉnh:

30.000 đ/ ngày/ người.

- Hội nghị ở huyện:

20.000 đ/ ngày/ người.

- Hội nghị ở xã:

10.000 đ/ ngày/ người.

*b) Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho đại biểu là
khách mời không hưởng lương ngân sách:*
60.000 đồng/ ngày/ người.

c) Chi nước uống:

5.000 đồng/ ngày/ người.

Trên đây là một số mức chi cụ thể
còn lại các nội dung khác thực hiện
theo đúng Thông tư số 118//2004/TT-
BTC (Gửi kèm quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực
thi hành từ 01/01/2005.

Các nội dung quy định trước đây trái
với quy định này đều bãi bỏ.

Giao Sở Tài chính hướng dẫn các cơ
quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND
tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành
của tỉnh, chủ tịch UBND các huyện,
thị xã, xã, phường, thị trấn chịu
trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết
định này./.

KT. CHỦ TỊCH UBND TỈNH

Phó Chủ tịch

Trần Đâu

Quyết định số 81/QĐ- UB, ngày 18 tháng 01 năm 2005
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy
Của Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ của Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh giai đoạn hiện nay;

- Xét đề nghị của Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh và Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đài phát thanh- Truyền hình tỉnh Hà Nam có chức năng nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1- Vị trí chức năng:

Đài phát thanh- Truyền hình là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh có chức năng thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh.

Đài phát thanh- Truyền hình tỉnh do UBND tỉnh quản lý trực tiếp, toàn diện đồng thời chịu sự quản lý hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam.

2- Nhiệm vụ và quyền hạn:

2.1. Lập quy hoạch, kế hoạch phát triển và hoạt động sự nghiệp phát thanh – Truyền hình trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam.

2.2. Tuyên truyền phổ biến đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và các chủ trương, quy định, cơ chế chính sách tỉnh đến mọi tầng lớp nhân dân theo định hướng của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh.

2.3 Thông tin trung thực về hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá- xã hội, quốc phòng- an ninh của cả nước và của tỉnh.

2.4. Phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội, phát hiện, biểu dương gương người tốt việc tốt, nhân tố mới đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác.

2.5. Truyền dẫn tiếp phát lại chương trình thời sự bắt buộc và các chương trình quan trọng khác của đài quốc gia phù hợp với thời lượng, khả năng điều kiện của địa phương, phối hợp sản xuất chương trình gửi đài quốc gia.

2.6. Chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ đối với các Đài Truyền thanh huyện, thị xã và cơ sở. Đào tạo- bồi dưỡng chuyên

môn nghiệp vụ cho viên chức, phóng viên, biên tập viên, nhân viên kỹ thuật cho đài tỉnh, huyện và cơ sở.

2.7. Quản lý tài chính, cơ sở vật chất, trang bị làm việc theo các quy định của pháp luật. Quản lý cán bộ, viên chức theo phân cấp quản lý của UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức bộ máy của Đài phát thanh- Truyền hình tỉnh Hà Nam gồm:

1- Lãnh đạo Đài: Giám đốc Đài phụ trách chung theo chế độ thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao cho ngành.

- Phó giám đốc Đài: Giúp việc Giám đốc trong lãnh đạo chung và được Giám đốc phân công phụ trách chỉ đạo một số công việc, lĩnh vực công tác cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được giao.

2- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh gồm:

- Phòng Tổ chức- Hành chính- Tổng hợp.

- Phòng Kỹ thuật.

- Phòng Thời sự.

- Phòng Chuyên đề.

- Phòng Biên tập chương trình.

- Phòng Quản lý nghiệp vụ cơ sở.

- Phòng Thông tin quảng cáo và dịch vụ truyền hình.

Phòng do Trưởng phòng phụ trách và Phó trưởng phòng giúp việc (nếu đủ điều kiện).

3- Biên chế của Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh thuộc biên chế sự nghiệp văn hoá- thông tin được giao theo kế hoạch hàng năm.

Điều 3. Giám đốc Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cán bộ có trách nhiệm bố trí biên chế (trong tổng biên chế được giao), bổ nhiệm sắp xếp cán bộ viên chức theo thẩm quyền phân cấp của tỉnh và quy định nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chuyên môn theo đúng nguyên tắc pháp luật Nhà nước và quy định của UBND tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái với Quyết định này nay bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn Cường

Quyết định số 104/QĐ-UB, ngày 20 tháng 01 năm 2005
*V/v thành lập Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu Bảo vệ
chăm sóc sức khoẻ nhân dân tỉnh Hà Nam*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Xét đề nghị của Sở Y tế (tại Tờ trình số 70/TT-SYT ngày 30/12/2004).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân tỉnh Hà Nam gồm các ông, bà có tên sau

1. Ông Nguyễn Trí Ngọc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Như Lâm - Giám đốc Sở Y tế - Phó Ban Thường trực.
3. Bà Đinh Thị Yến - Chủ nhiệm Ủy ban Dân số GD&TE - Ủy viên
4. Ông Nguyễn Hữu Chính - Phó Giám đốc Sở Y tế - Ủy viên
5. Ông Nguyễn Lập Quyết - Phó Giám đốc Sở Y tế - Ủy viên
6. Ông Phạm Bá Tảo - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT - Ủy viên
7. Ông Bùi Văn Tâm - Phó Giám đốc Sở Giáo dục & Đào tạo - Ủy viên

8. Ông Nguyễn Tâm Sơn - Phó Giám đốc Sở Văn hoá thông tin - Ủy viên

9. Ông Trịnh Văn Thế - Phó Giám đốc Sở Tài chính - Ủy viên

10. Ông Nguyễn Đức Hoà - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Ủy viên

** Mời các ông, bà có tên sau tham gia Ban chỉ đạo:*

1. Bà Lê Thị Thanh Hà - Bí thư tỉnh Đoàn - Ủy viên

2. Ông Nguyễn Đức Ký - Phó Chủ tịch MTTQ tỉnh - Ủy viên

3. Ông Trần Đức Tuyết - Chủ tịch Hội Đông y tỉnh - Ủy viên

4. Bà Trần Thị Châm - Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh - Ủy viên

** Ban chỉ đạo có tổ thư ký giúp việc gồm:*

1. Ông Đặng Đình Thoảng - Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng

2. Ông Trần Quốc Toàn - Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế

3. Ông Nguyễn Chí Mỹ - Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi

4. Ông Nguyễn Xuân Quý - Giám đốc Trung tâm Da liễu + Bệnh viện Phong

5. Ông Trần Đình Bảo - Giám đốc
Trạm + Bệnh viện Tâm thần

6. Ông Nguyễn Văn Cường - Giám đốc
Trung tâm phòng chống Mù loà

7. Ông Phạm Thanh Phong - Giám
đốc Trung tâm BVSKBMTE - KHHGD.

Điều 2. Ban chỉ đạo chương trình
mục tiêu Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ nhân
dân có nhiệm vụ: Căn cứ vào các chương
trình mục tiêu y tế Quốc gia xây dựng
kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương

trình mục tiêu Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ
nhân dân của tỉnh đạt kết quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND
tỉnh, Thủ trưởng các cấp, các ngành có
liên quan và các ông, bà có có tên ở
điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết
định này./.

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn Cường

Quyết định số 105/2005/QĐ-UB, ngày 20 tháng 01 năm 2005

V/v Kiện toàn thành viên Hội đồng quản lý

“Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam” tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và
UBND được Quốc hội thông qua ngày
26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 105/1998/QĐ-
TTg ngày 09/6/1998 của Thủ tướng
Chính phủ cho phép Hội Chũ thập đỏ
Việt Nam thành lập quỹ “*Bảo trợ nạn
nhân chất độc da cam do chiến tranh
ở Việt Nam*”;

Căn cứ Công văn số 762/QDC-CTĐ
ngày 12/10/1998 của Trung ương Hội
Chũ thập đỏ Việt Nam về việc “*Thành
lập Hội đồng quản lý Quỹ bảo trợ nạn
nhân chất độc da cam và xác định
nạn nhân*”;

Xét đề nghị của Hội Chũ thập đỏ tỉnh
Hà Nam (*tại Tờ trình số 01/TT-CTĐ
ngày 11/01/2005*).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Kiện toàn thành viên Hội
đồng quản lý “*Quỹ bảo trợ nạn nhân
chất độc da cam*” tỉnh Hà Nam gồm các
ông, bà giữ các chức danh thuộc UBND
tỉnh và mời các ông, bà thuộc các cơ
quan, đoàn thể có tên dưới đây tham
gia làm thành viên của Hội đồng:

1. Ông Nguyễn Trí Ngọc - P.Chủ tịch
UBND tỉnh - Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ

2. Ông Trần Văn Thuận - Chủ tịch Hội
Chũ thập đỏ tỉnh - Phó Chủ tịch Hội đồng

3. Ông Nguyễn Mạnh Hùng- Chủ tịch Ủy ban MTTQ tỉnh - Ủy viên

4. Ông Nguyễn Văn Hùng - Giám đốc Sở Tài chính - Ủy viên

5. Ông Phạm Hoài Giang - Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh - Ủy viên

6. Ông Nghiêm Đức Đạo - Giám đốc Sở Lao động thương binh&XH - Ủy viên

7. Ông Vũ Hiến - Tổng biên tập Báo Hà Nam - Ủy viên.

8. Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo - Ủy viên.

9. Ông Đinh Việt Cường - Giám đốc Đài PTTH tỉnh - Ủy viên

10. Bà Trần Thị Mão - Chủ tịch Liên hiệp phụ nữ tỉnh - Ủy viên

11. Bà Lê Thị Thanh Hà: Bí thư Tỉnh Đoàn - Ủy viên

12. Ông Lê Thanh Phong - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh - Ủy viên

13. Ông Nguyễn Văn Hoá - Chủ tịch Hội Nông dân - Ủy viên.

14. Ông Nguyễn Minh Toàn - P. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh - Ủy viên

15. Bà Phạm Thị Hương- Giám đốc Công ty TNHH Chí Hương - Ủy viên.

16. Ông Nguyễn Huy Khôi - Ủy viên thư ký Hội Chữ thập đỏ - Ủy viên

Điều 2. Hội đồng quản lý quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh có nhiệm vụ : Thực hiện theo Quyết định số 222/1998/TCCP ngày 23/7/1998 của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ; Thông tư số 35/1999/TC-TT ngày 02/4/1999 của Bộ Tài chính “ hướng dẫn quản lý tài chính và sử dụng Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam”; các văn bản chỉ đạo cụ thể của Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và của tỉnh.

Hội đồng quản lý quỹ kiện toàn Ban điều hành quỹ và được sử dụng con dấu và tài khoản của Hội chữ thập đỏ để giao dịch và hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành, các cấp có liên quan, đơn vị trong tỉnh, các tổ chức xã hội có liên quan, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn Cường

Quyết định số 111/2005/QĐ-UB, ngày 21 tháng 01 năm 2005

V/v Thành lập Ban quản lý các cụm Công nghiệp

Tiểu thủ công nghiệp huyện Duy Tiên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 647/2000/QĐ-UB ngày 08/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phân công phân cấp quản lý tổ chức bộ máy- cán bộ, công chức và lao động;

Xét đề nghị của UBND huyện Duy Tiên và Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban quản lý các cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện Duy Tiên trực thuộc UBND huyện.

Ban quản lý các cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện Duy Tiên là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho Bạc Nhà nước để hoạt động.

Điều 2. Ban quản lý các cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp có nhiệm vụ:

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện quản lý xây dựng các cụm

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Tuyên truyền vận động các doanh nghiệp đầu tư vào các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện.

- Đôn đốc kiểm tra các doanh nghiệp thực hiện các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng dự án đã được phê duyệt.

- Quản lý cán bộ, tài sản theo quy định hiện hành.

Điều 3. Ban quản lý các Cụm CN - TTCN huyện Duy Tiên do Trưởng ban phụ trách, Phó trưởng ban giúp việc và có từ 3 đến 5 cán bộ chuyên môn do Chủ tịch UBND huyện bố trí trong tổng biên chế được giao.

Chủ tịch UBND huyện Duy Tiên phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh có nhiệm vụ sắp xếp, bố trí cán bộ và quy định nhiệm vụ cụ thể cho Ban quản lý cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện hoạt động theo Đề án thành lập.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Duy Tiên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn Cường

Quyết định số 135/2005/QĐ-UB ngày 28 tháng 01 năm 2005

Về tỷ lệ điều tiết các khoản thu NSNN, thu đóng góp cho ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và ngân sách xã, phường, thị trấn năm 2005

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ngân sách số 01/2002/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 16/12/2002; Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 50/1997/NĐ-CP ngày 10/5/1997 của Chính phủ về việc ban hành qui chế thành lập và hoạt động của quỹ phòng chống thiên tai của địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2004/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam khoá XV, kỳ họp thứ 3 về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Hà Nam năm 2005;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quyết định tỷ lệ điều tiết các khoản thu ngân sách Nhà nước năm

2005 trên địa bàn cho ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, phường, thị trấn như sau:

I. CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CÁC CẤP HƯỞNG 100 %

1. Ngân sách Trung ương :

- Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu.

- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu .

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá nhập khẩu.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành .

- Các khoản thuế và thu khác từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí (*kể cả tiền thuê mặt đất, mặt nước*) do Trung ương quản lý.

- Thu hồi vốn của ngân sách Trung ương tại các cơ sở kinh tế, thu hồi tiền cho vay của ngân sách Trung ương (cả gốc và lãi).

- Các khoản phí và lệ phí phần nộp ngân sách nhà nước theo qui định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc trung ương tổ chức thu không kể phí xăng dầu và lệ phí trước bạ.

- Thu sự nghiệp phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật của các

đơn vị do các cơ quan trung ương trực tiếp quản lý .

- Thu hoàn vốn, thanh lý tài sản các khoản thu khác của doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật.

- Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách Trung ương theo quy định của pháp luật .

2. Ngân sách tỉnh:

- Thuế giá trị gia tăng thu từ doanh nghiệp nhà nước kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (*trừ thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu*) .

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ doanh nghiệp nhà nước kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (*trừ thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành*).

- Thuế môn bài thu từ các doanh nghiệp nhà nước kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài .

- Lệ phí trước bạ (*trừ lệ phí trước bạ nhà đất*).

- Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao .

- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hoá sản xuất trong nước .

- Thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp nhà nước .

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đối với các doanh nghiệp kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

- Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước .

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết .

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Thu phạt an toàn giao thông.

- Các khoản tiền phạt và tịch thu do các đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp.

- Phí xăng dầu.

- Thu viện phí (*trừ số thu viện phí của các cơ sở y tế xã, phường, thị trấn*)

- Thu học phí thuộc các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc tỉnh: Trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, dạy nghề và các cơ sở đào tạo khác .

- Các khoản thu sự nghiệp, phí, lệ phí, thu khác do các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc tỉnh đóng trên địa bàn các huyện, thị xã nộp.

- Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam.

- Thu nhập từ góp vốn của ngân sách địa phương, tiền thu hồi của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế, thu thanh lý tài sản và các khoản thu khác của doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật.

- Thu huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo khoản 3 điều 8 của Luật NSNN

- Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

- Thu chuyển nguồn ngân sách tỉnh từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

- Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật .

3. Ngân sách huyện, thị xã:

- Thuế môn bài do các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh nộp (*trừ thuế môn bài thu từ các hộ kinh doanh cá thể cố định tại xã, phường, thị trấn*) .

- Thuế tài nguyên thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh.

- Thu khác từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh .

- Các khoản thu sự nghiệp, phí, lệ phí, thu khác do các phòng, ban, ngành và các đơn vị thuộc huyện, thị xã đóng trên địa bàn các huyện, thị xã nộp.

- Thu học phí thuộc các cơ sở giáo dục phân cấp cho huyện quản lý.

- Các khoản tiền phạt và tịch thu do các đơn vị thuộc huyện, thị xã quản lý nộp.

- Thu huy động các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của thị xã quản lý .

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.

- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho cấp huyện.

- Thu kết dư ngân sách huyện .

- Thu chuyển nguồn ngân sách huyện từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Ngân sách xã, phường, thị trấn:

a- Ngân sách xã, thị trấn

- Thuế môn bài thu từ các hộ cá thể cố định ở xã , thị trấn.

- Lệ phí trước bạ nhà , đất .

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất .

- Các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp thu cho ngân sách xã, thị trấn theo quy định của pháp luật .

- Thu viện phí do các cơ sở y tế xã, thị trấn nộp.

- Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho xã, thị trấn.

- Thu huy động các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng.

- Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản.

- Tiền thu hoạt động sự nghiệp khác do xã, thị trấn quản lý .

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho ngân sách xã, thị trấn theo qui định của pháp luật.

- Các khoản tiền phạt, tịch thu do xã, thị trấn thực hiện theo qui định.

- Thu kết dư ngân sách xã , thị trấn.

- Thu chuyển nguồn ngân sách xã, thị trấn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

b- Ngân sách phường:

- Lệ phí trước bạ nhà đất.

- Các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp cho ngân sách phường theo quy định của pháp luật.

- Thu viện phí do các cơ sở y tế phường nộp.

- Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác .

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất .

- Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân cho phường.

- Các khoản thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở nước

ngoài trực tiếp cho phường theo quy định của pháp luật.

- Các khoản tiền phạt, tịch thu do phường thực hiện theo qui định.

- Thu kết dư ngân sách phường.

- Thu chuyển nguồn ngân sách phường từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

II. CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT.

1. Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh được phân chia như sau :

+ Hộ cá thể cố định: Ngân sách huyện, thị xã : 50%, ngân sách xã, thị trấn 50 % (thu từ hộ cá thể cố định trên địa bàn phường điều tiết ngân sách thị xã 100 %).

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Luật hợp tác xã như : Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, các hợp tác xã và các tổ chức kinh doanh ngoài quốc doanh khác ...v.v được điều tiết 50 % ngân sách tỉnh ; 50 % ngân sách huyện , thị xã.

2. Thu tiền sử dụng đất:

a -Thu tiền sử dụng đất thuộc quỹ đất giao cho gia đình, cá nhân sử dụng

làm nhà ở phù hợp qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai hàng năm (*không bao gồm đất chỉnh trang đô thị thuộc khu vực nội thành, nội thị, đất qui hoạch các khu dân cư đô thị*), thuộc các trường hợp giao đất theo giá đất qui định của UBND tỉnh và các trường hợp UBND cấp xã, thị trấn lựa chọn một số địa điểm thuận lợi thuộc quỹ đất giao cho gia đình, cá nhân làm nhà ở để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất (*Theo Quyết định 544/QĐ-UB ngày 23/4/2004 của UBND tỉnh*) được điều tiết : Ngân sách cấp tỉnh 20 %, ngân sách cấp huyện, thị xã 40 %, ngân sách cấp xã, thị trấn 40 % .

b - Thu tiền sử dụng đất thuộc quỹ đất giao cho các tổ chức kinh tế thực hiện dự án theo qui định của Pháp luật về đầu tư để chỉnh trang, xây dựng khu đô thị mới, dự án xây dựng khu dân cư gắn liền khu công nghiệp (*Trừ các trường hợp xây dựng nhà chung cư cao tầng để cho công nhân khu công nghiệp ở*) được điều tiết ngân sách tỉnh 70%, ngân sách huyện, thị xã 15%, ngân sách xã, thị trấn 15%, Trường hợp quỹ đất trên địa bàn phường ngân sách tỉnh 80%, ngân sách thị xã 20%.

c- Các tổ chức kinh tế gồm: Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp tư nhân, các Công ty TNHH vv... được UBND tỉnh giao đất theo hình thức thu tiền sử dụng đất, số thu tiền sử dụng đất được điều tiết ngân sách tỉnh 100% .

Trường hợp các tổ chức kinh tế giải thể, phá sản, không còn nhu cầu sử dụng đất, nếu chuyển đổi mục đích sử dụng đất để giao cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở, số thu tiền sử dụng đất được điều tiết ngân sách tỉnh 100 %.

Trường hợp UBND tỉnh uỷ quyền cho UBND các huyện, thị xã tổ chức đấu giá một số địa điểm thuộc dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư và thu hồi đất, ngân sách tỉnh đầu tư hạ tầng, số thu sử dụng đất được điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

d- UBND các huyện, thị xã lập dự án đấu giá quyền sử dụng đất để giao cho gia đình, cá nhân sử dụng làm nhà ở theo hình thức tự làm, sau khi trừ chi phí đầu tư số thu tiền sử dụng đất được điều tiết ngân sách tỉnh 20%, ngân sách huyện, thị xã 70%, ngân sách xã, thị trấn 10%, nếu quỹ đất thuộc địa bàn phường điều tiết ngân sách tỉnh 20%, ngân sách thị xã 80%.

Đối với qui định tại điểm c và d Kho bạc nhà nước các cấp căn cứ phương án được duyệt và Quyết định của UBND tỉnh để thực hiện .

3. Thuế nhà đất ngân sách huyện, thị xã 30 %, ngân sách xã, phường, thị trấn 70 % .

4. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp điều tiết ngân sách huyện, thị xã 30% ngân sách xã ,phường, thị trấn 70 %

5. Thuế môn bài thu trên địa bàn phường điều tiết ngân sách phường 30%, ngân sách thị xã 70%.

6. Thu quỹ kinh tế mới: Sau khi trừ 5% cho uỷ nhiệm thu, số còn lại coi như 100% nộp ngân sách điều tiết cho ngân sách tỉnh 60%; ngân sách huyện, thị xã 30%; ngân sách xã, phường, thị trấn 10%.

7. Thu quỹ phòng, chống thiên tai theo Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 10/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số thu sau khi trừ 5% cho uỷ nhiệm thu, số còn lại coi như 100% nộp ngân sách điều tiết cho ngân sách tỉnh 60%; Ngân sách huyện, thị xã: 40% (các DNNN và các tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế đóng trên địa bàn huyện, thị nào thì số thu nộp quỹ phòng, chống lụt, bão điều tiết theo tỷ lệ nêu trên cho huyện, thị đó).

8. Thu quỹ Quốc phòng - An ninh: ngân sách tỉnh 10%; ngân sách huyện,

thị xã 10%; ngân sách xã, phường, thị trấn 80%.

9. Các khoản thu bằng tiền hoặc ngày công huy động quỹ ra tiền thuộc nghĩa vụ lao động công ích hàng năm (trừ nghĩa vụ lao động công ích trong trường hợp cấp thiết khi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh), cấp tỉnh 10%; cấp huyện, thị xã 20%; cấp xã 70% .

Điều 2. Tỷ lệ điều tiết này được thực hiện từ ngày 01/1/2005 và thay thế Quyết định 1700/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn Cường

Quyết định số 136/2005/QĐ-UB ngày 28 tháng 01 năm 2005

V/v ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND đã được quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 của Chính phủ về

khung giá các loại đất và phương pháp xác định giá đất;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;